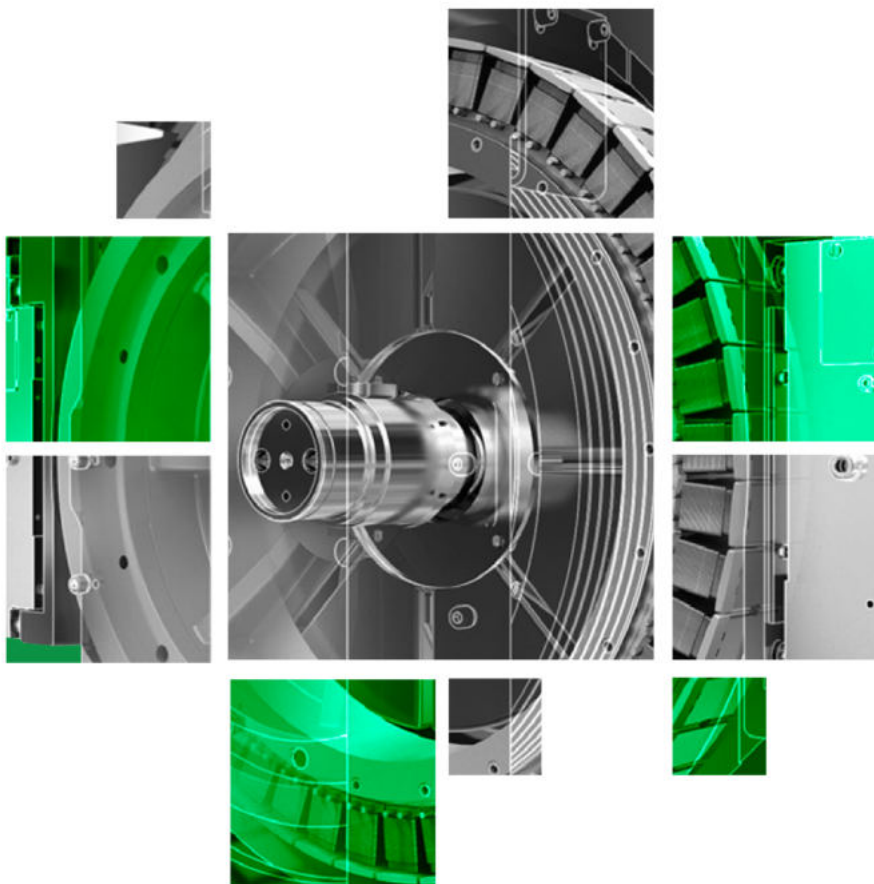




Để biết thêm thông tin chi tiết về VITECH  
 vui lòng liên hệ bộ phận **chăm sóc khách hàng** của chúng tôi:  
**CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CÔNG NGHỆ VITECH**  
 Địa chỉ: A54, LK19A, LK19B, X7, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, Hà Nội  
 Website: [www.vitechlift.com](http://www.vitechlift.com)  
 Hotline: (024)3. 520 588  
 CSKH: 0867 192 588  
 Email: [vitech.elevator@gmail.com](mailto:vitech.elevator@gmail.com)



# PRODUCT CATALOGUE

Vision and smart Technology

Best  
AND  
First



“

Kính gửi Quý khách hàng & Quý đối tác

Với khát vọng đột phá công nghệ, xây dựng và sáng tạo giải pháp có giá trị vì con người, VITECH đã khẳng định vị thế tiên phong trong lĩnh vực cung cấp thiết bị, linh kiện thang máy và kỹ thuật hàng đầu tại Việt Nam.

Công ty TNHH xuất nhập khẩu công nghệ VITECH với sứ mệnh trở thành nhà cung cấp thiết bị, linh kiện thang máy với chất lượng và dịch vụ tốt nhất. Chúng tôi đã có những bước phát triển vượt bậc, và trở thành đối tác bán hàng tin cậy trên khắp mọi miền tổ quốc. Luôn đi đầu trong việc áp dụng công nghệ mới với giá thành cạnh tranh nhất, chất lượng tốt nhất đã giúp VITECH trở thành nhà cung cấp hàng đầu cho các đơn vị hợp tác và nhà đầu tư suốt thời gian qua.

Mạng lưới dịch vụ bao phủ rộng khắp là thế mạnh của VITECH, mọi yêu cầu từ Quý khách hàng & Quý đối tác đều được đáp ứng nhanh chóng. Với phương châm kinh doanh "Xây dựng niềm tin cùng chất lượng đỉnh cao" và đội ngũ nhân sự giàu nhiệt huyết, đam mê. Chúng tôi luôn đặt lợi ích của Khách hàng, Đối tác, chất lượng sản phẩm và uy tín của công ty lên hàng đầu. VITECH luôn nỗ lực hết mình để tạo nên những sản phẩm hiện đại, chất lượng và phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của khách hàng.

Chúng tôi mong muốn hợp tác với tất cả các Quý khách hàng & Quý đối tác trong và ngoài nước, là đối tác tin cậy, người bạn đồng hành cùng xây mối quan hệ bền vững.

Trân trọng!

”

GIÁM ĐỐC

VŨ THỊ THU LA



th  
ANNIVERSARY

5

Thành lập

100+

Nhân sự

1000+

Đối tác

1500m<sup>2</sup>

Kho hàng

# About VITECH

VITECH là nhà cung cấp thiết bị và linh kiện thang máy hàng đầu tại Việt Nam, Hiện tại, VITECH có hơn 3000 danh mục hàng hóa và được chỉ định là nhà phân phối của các thương hiệu uy tín trên thế giới.

## THE ELECTRIC HEART OF ELEVATOR

“



=



”



No Machine  
Room Require



Less  
Maintenance



Upto 40%  
Energy Saving



Noise Free  
Environment



Fully Eco  
Friendly Product

# Motor elevator

Máy kéo thang máy

"VITECH tập trung vào việc tạo ra sự linh hoạt và tùy chỉnh để đáp ứng đặc thù của người sử dụng. Luôn đi đầu cập nhật, nắm bắt các xu hướng công nghệ mới nhất áp dụng vào chi tiết từng sản phẩm."



The image shows an exploded view of a motor elevator assembly. The components are arranged in a sequence from left to right, showing the internal structure of the motor and the gear system. The main motor housing is a large, cylindrical metal component. Inside, there are several smaller components, including a yellow gear, a silver gear, and a silver ring. The assembly is shown in a disassembled state, with the components floating in the air. The background is dark with green light trails.

Permanent magnet synchronous motor

It follows the persistently high quality requirements. It applies environment-friendly and energy-saving permanent-magnet synchronous technology to the traction machine, door machine etc. it creates a harmonious elevator space.

Energy regenerating feedback

It converts the elevator no-load up-motion or full-load down-motion potential to electric energy through energy regenerating device. It then supplies energy for other devices in the building. It can reduce over 20% of energy consumption.

Sleeping energy-saving program

If nobody makes calling within the fixed time, it automatically shuts off the car lighting and fan. When someone makes calling, it starts automatically. It thus saves the energy during none running period.

**KPM-G45R (450kg 0.5-1.75(m/s))**  
**KPM-G63R8 (630kg 0.5-1.75(m/s))**

## Gearless Traction Machine

Made in JAPAN 

| Series    | Speed (m/s) | Capacity code |
|-----------|-------------|---------------|
| KPM-G45R  | 0.5-1.75    | 450kg         |
| KPM-G63R8 | 0.5-1.75    | 630kg         |

### Traction Machine Parameter

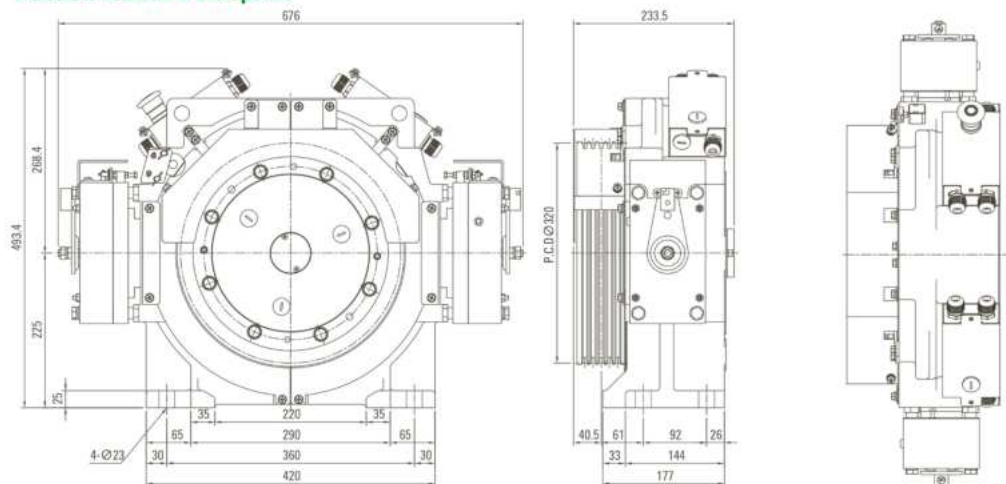
- Roping: 2:1
- Sheave PCD DIA (mm): 320
- Static Load (kg): 2000
- Machine Weight (kg): 200
- Brake Type: SDZK-5500JR
- Brake Volt (DC-V): 110
- Brake AMP (A): 1.09
- Brake Torque (N.m): 2x445
- Encoder: Heiderhain ERN1387



### Features

- Short axial length, suitable for machine roomless elevator application.
- High efficiency with high torque density design.
- Small size, simple structure with high utilization of materials.
- Machine low speed operation smooth, with low noise and small vibration.
- Use block armless brake with high reliability.

### Traction Machine Blueprint



### ELEVATOR TRACTION MACHINE (ROPING 2:1)

| TYPE              | ELEVATOR |      |       |         | SHEAVE |        |          |         | MOTOR       |              |        |      |      |      |           |  |
|-------------------|----------|------|-------|---------|--------|--------|----------|---------|-------------|--------------|--------|------|------|------|-----------|--|
|                   | ROPING   | LOAD | SPEED | DIA.PCD | GROOVE | GROOVE | V. ANGLE | β ANGLE | RATED SPEED | RATED TORQUE | OUTPUT | VOLT | AMP  | POLE | FREQUENCY |  |
|                   |          | kg   | m/s   | mm      | mm     | PITCH  |          |         | r/min       | N.m          | kW     | V    | A    | P    | Hz        |  |
| KPM-G45R-450-050  | 2:1      | 450  | 0.5   | 320     | 5xØ8   | 12     | 30°      | 90°     | 60          | 239          | 1.5    | 380  | 5.5  | 28   | 14        |  |
| KPM-G45R-450-100  | 2:1      | 450  | 1     | 320     | 5xØ8   | 12     | 30°      | 90°     | 119         | 241          | 3.0    | 380  | 8.5  | 28   | 27.8      |  |
| KPM-G45R-450-150  | 2:1      | 450  | 1.5   | 320     | 5xØ8   | 12     | 30°      | 90°     | 179         | 229          | 4.3    | 380  | 11   | 28   | 41.8      |  |
| KPM-G45R-450-175  | 2:1      | 450  | 1.75  | 320     | 5xØ8   | 12     | 30°      | 90°     | 209         | 229          | 5.0    | 380  | 12   | 28   | 48.8      |  |
| KPM-G63R8-630-050 | 2:1      | 630  | 0.5   | 320     | 5xØ8   | 12     | 30°      | 90°     | 60          | 319          | 2.0    | 380  | 6.5  | 28   | 14        |  |
| KPM-G63R8-630-100 | 2:1      | 630  | 1     | 320     | 5xØ8   | 12     | 30°      | 90°     | 119         | 321          | 4.0    | 380  | 10.5 | 28   | 27.8      |  |
| KPM-G63R8-630-150 | 2:1      | 630  | 1.5   | 320     | 5xØ8   | 12     | 30°      | 90°     | 179         | 320          | 6.0    | 380  | 15   | 28   | 41.8      |  |
| KPM-G63R8-630-175 | 2:1      | 630  | 1.75  | 320     | 5xØ8   | 12     | 30°      | 90°     | 209         | 320          | 7.0    | 380  | 16.5 | 28   | 48.8      |  |

**KPM-G80R (800kg 0.5-1.75(m/s))**  
**KPM-G105R (1050kg 0.5-1.75(m/s))**

## Gearless Traction Machine

Made in JAPAN 

| Series    | Speed (m/s) | Capacity code |
|-----------|-------------|---------------|
| KPM-G80R  | 1-2         | 800kg         |
| KPM-G105R | 1-2         | 1050kg        |

### Traction Machine Parameter

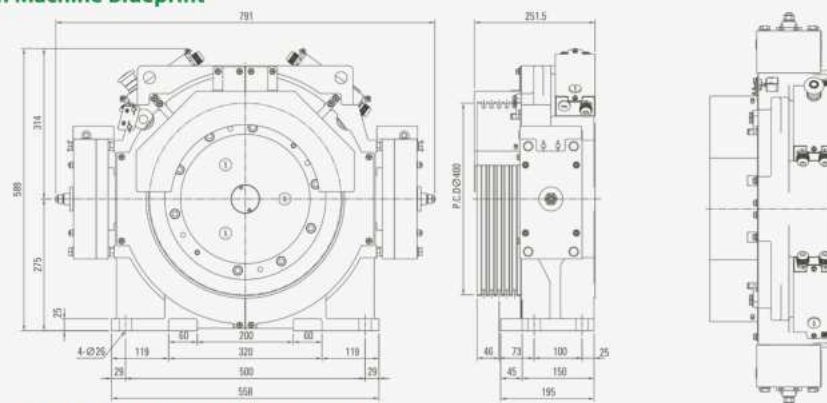
- Roping: 2:1
- Sheave PCD DIA (mm): 400
- Static Load (kg): 3000
- Machine Weight (kg): 320
- Brake Type: SDZK-8500JR
- Brake Volt (DC-V): 110
- Brake AMP (A): 1.4
- Brake Torque (N.m): 2x85
- Encoder: Heiderhain ERN1387



### Features

- Short axial length, suitable for machine roomless elevator application.
- High efficiency with high torque density design.
- Small size, simple structure with high utilization of materials.
- Machine low speed operation smooth, with low noise and small vibration.
- Use block armless brake with high reliability.

### Traction Machine Blueprint



### ELEVATOR TRACTION MACHINE (ROPING 2:1)

| TYPE               | ELEVATOR |      |       |         | SHEAVE |         |         |         | MOTOR       |              |        |      |      |      |           |  |
|--------------------|----------|------|-------|---------|--------|---------|---------|---------|-------------|--------------|--------|------|------|------|-----------|--|
|                    | ROPING   | LOAD | SPEED | DIA.PCD | GROOVE | GROOVE  | β ANGLE | θ ANGLE | RATED SPEED | RATED TORQUE | OUTPUT | VOLT | AMP  | POLE | FREQUENCY |  |
|                    |          | kg   | m/s   | mm      | mm     | PITCH   |         |         | r/min       | N.m          | kW     | V    | A    | P    | Hz        |  |
| KPM-G80R-800-100   | 2:1      | 800  | 1.0   | 400     | 7xØ8   | 12(Ø8)  | 30°     | 90°     | 96          | 498          | 5.0    | 380  | 13.7 | 40   | 32        |  |
| KPM-G80R-800-100   | 2:1      | 800  | 1.5   | 400     | 5xØ10  | 15(Ø10) | 30°     | 90°     | 144         | 517          | 7.8    | 380  | 20   | 40   | 48        |  |
| KPM-G80R-800-100   | 2:1      | 800  | 1.6   | 400     | 7xØ8   | 12(Ø8)  | 30°     | 90°     | 153         | 487          | 7.8    | 380  | 19.6 | 40   | 51        |  |
| KPM-G80R-800-100   | 2:1      | 800  | 1.75  | 400     | 5xØ10  | 15(Ø10) | 30°     | 90°     | 168         | 512          | 9.0    | 380  | 23   | 40   | 56        |  |
| KPM-G80R-800-100   | 2:1      | 800  | 2.0   | 400     | 7xØ8   | 12(Ø8)  | 30°     | 90°     | 192         | 522          | 10.5   | 380  | 26.5 | 40   | 64        |  |
| KPM-G105R-1050-100 | 2:1      | 1050 | 1.0   | 400     | 7xØ8   | 12(Ø8)  | 30°     | 90°     | 96          | 637          | 6.4    | 380  | 17.8 | 40   | 32        |  |
| KPM-G105R-1050-100 | 2:1      | 1050 | 1.5   | 400     | 5xØ10  | 15(Ø10) | 30°     | 90°     | 144         | 643          | 9.7    | 380  | 25.2 | 40   | 48        |  |
| KPM-G105R-1050-100 | 2:1      | 1050 | 1.6   | 400     | 7xØ8   | 12(Ø8)  | 30°     | 90°     | 153         | 643          | 10.3   | 380  | 26.2 | 40   | 51        |  |
| KPM-G105R-1050-100 | 2:1      | 1050 | 1.75  | 400     | 5xØ10  | 15(Ø10) | 30°     | 90°     | 168         | 643          | 11.3   | 380  | 29   | 40   | 56        |  |
| KPM-G105R-1050-100 | 2:1      | 1050 | 2.0   | 400     | 7xØ8   | 12(Ø8)  | 30°     | 90°     | 192         | 642          | 12.9   | 380  | 32.7 | 40   | 64        |  |

# FJE 200

## Gearless Traction Machine

Made in Korea



| Model | Speed (m/s) | Capacity code |
|-------|-------------|---------------|
| 200   | 1.0 - 1.75  | 450kg         |

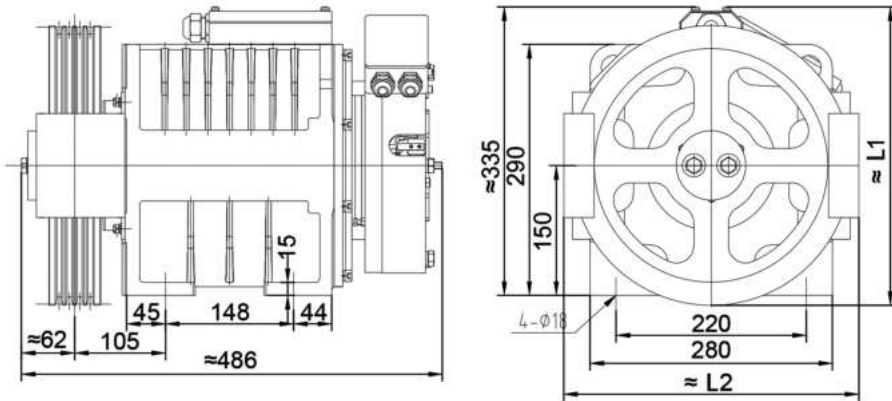
### Traction Machine Parameter

- Suspension: 2:1
- Voltage: 380V
- Pole: 20
- Rating: S5 (40%)
- INS. Class: F
- IP code: IP41
- Max. Static Load: 1800kg
- Weight: 140kg

### Features

- Short axial length, suitable for machine roomless elevator application.
- High efficiency with high torque density design.
- Small size, simple structure with high utilization of materials.
- Machine low speed operation smooth, with low noise and small vibration.
- Use block armless brake with high reliability.

### Traction Machine Blueprint



| Spec   | Load (kg) | Lift Speed (m/s) | Sheave Dia.(mm) | Rope Groove (mm) | Current (A) | Torque (Nm) | Rated Speed (rpm) | Frequency (Hz) | Power (kW) | Length L1 | Length L2 |
|--------|-----------|------------------|-----------------|------------------|-------------|-------------|-------------------|----------------|------------|-----------|-----------|
| FJE200 | 450       | 1.0              | Φ240            | 4xΦ8x12          | 7.3         | 175         | 159               | 26.5           | 3          |           |           |
| FJE200 |           | 1.5              |                 |                  | 11          | 175         | 239               | 39.8           | 4.5        |           |           |
| FJE200 |           | 1.6              |                 |                  | 11.8        | 175         | 255               | 42.5           | 4.7        |           |           |
| FJE200 |           | 1.75             |                 |                  | 11.8        | 175         | 279               | 46.5           | 5.1        |           |           |
| FJE200 | 450       | 1.0              | Φ320            | 4xΦ8x12          | 8.3         | 240         | 120               | 20             | 3          | 345       | 341       |
| FJE200 |           | 1.5              |                 |                  | 10.8        | 240         | 179               | 29.8           | 4.5        |           |           |
| FJE200 |           | 1.6              |                 |                  | 12.5        | 240         | 192               | 32             | 4.8        |           |           |
| FJE200 |           | 1.75             |                 |                  | 12.5        | 240         | 209               | 34.8           | 5.3        |           |           |

# FJE 200

## Gearless Traction Machine

Made in Korea



| Model | Speed (m/s) | Capacity code |
|-------|-------------|---------------|
| 200   | 1.0 - 1.75  | 630kg         |

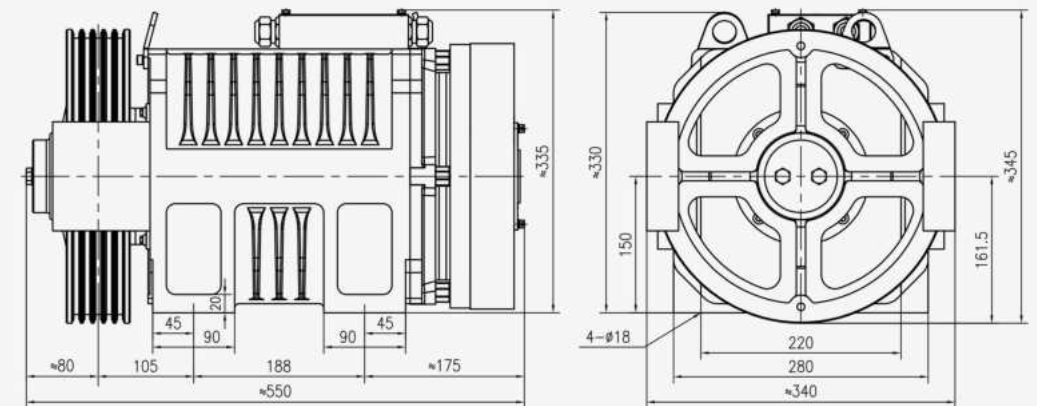
### Traction Machine Parameter

- Suspension: 2:1
- Voltage: 380V
- Pole: 20
- Rating: S5 (40%)
- INS. Class: F
- IP code: IP41
- Max. Static Load: 2000kg
- Weight: 180kg

### Features

- Short axial length, suitable for machine roomless elevator application.
- High efficiency with high torque density design.
- Small size, simple structure with high utilization of materials.
- Machine low speed operation smooth, with low noise and small vibration.
- Use block armless brake with high reliability.

### Traction Machine Blueprint



| Spec   | Load (kg) | Lift Speed (m/s) | Sheave Dia.(mm) | Rope Groove (mm) | Current (A) | Torque (Nm) | Rated Speed (rpm) | Frequency (Hz) | Power (kW) |
|--------|-----------|------------------|-----------------|------------------|-------------|-------------|-------------------|----------------|------------|
| FJE200 | 630       | 1.0              | Φ320            | 5xΦ8x12          | 11.0        | 318         | 120               | 20             | 4          |
| FJE200 |           | 1.5              |                 |                  | 14.9        | 336         | 179               | 29.8           | 6.3        |
| FJE200 |           | 1.6              |                 |                  | 18          | 336         | 192               | 32             | 6.8        |
| FJE200 |           | 1.75             |                 |                  | 18          | 336         | 209               | 34.8           | 7.4        |

### Remark

The standard configuration of this machine does not include manual brake release. Customers are required to provide their own electric brake release device.  
The manual brake release is optional to provide if the customer need it.



# FJE 325

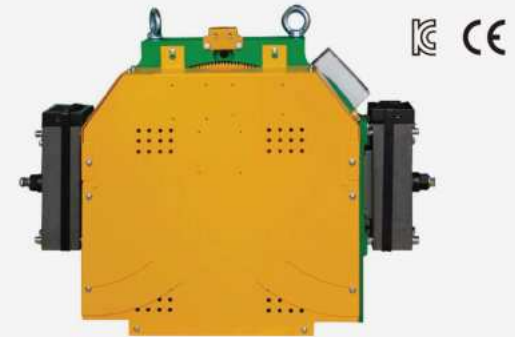
## Gearless Traction Machine

Made in Korea

| Series | Speed (m/s) | Capacity code |
|--------|-------------|---------------|
| 325    | 0.63 - 1.6  | 320kg - 500kg |

### Traction Machine Parameter

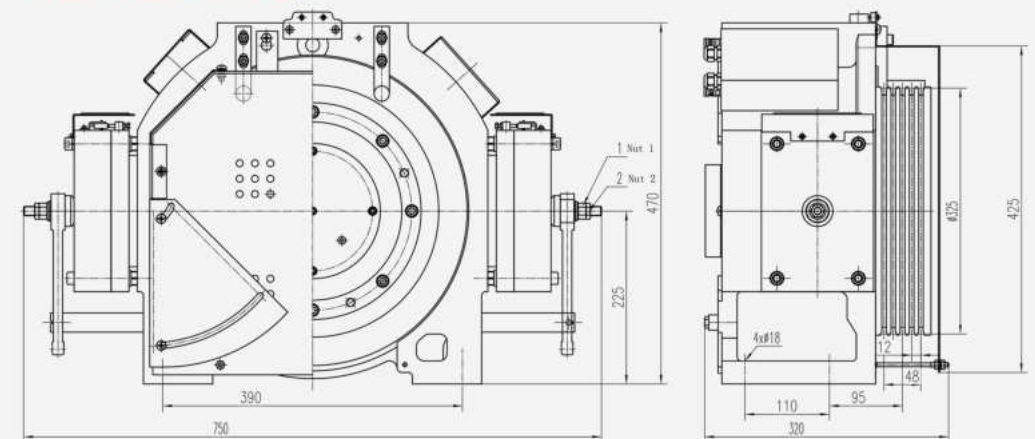
- Traction Ratio: 2:1
- Rated capacity: 320 - 500kg
- Rated elevator speed: 0.63, 1.0, 1.6, 1.75m/s
- Max. shaft load: 2200kg
- Applicable converter: 3 Phase 320V
- Brake voltage: DC 110V
- Number of motor poles: 20 poles
- Insulation: F



### Features

- Short axial length, suitable for machine roomless elevator application.
- High efficiency with high torque density design.
- Small size, simple structure with high utilization of materials.
- Machine low speed operation smooth, with low noise and small vibration.
- Use block armless brake with high reliability.

### Traction Machine Blueprint



### FJE325 - N320/500 ELEVATOR TRACTION MACHINE (ROPING 2:1)

| Capacity (Kg) | Elevator Speed (m/s) | Rated Power (kw) | Rated Current (A) | Rated Speed (rpm) | Frequency (Hz) | Sheave Diameter (mm) | Pole (2p) | Torque (N.m) | Ropes   | Weight (kg) | Load (kg) | Traction Ratio |
|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------------|----------------|----------------------|-----------|--------------|---------|-------------|-----------|----------------|
| 320           | 0.63                 | 1.3              | 3.8               | 73.8              | 12.3           | 325                  | 20        | 170          | 3xØ8x12 | 220         | 320       | 2:1            |
| 320           | 1.0                  | 2.1              | 5.6               | 117               | 19.5           | 325                  | 20        | 170          | 3xØ8x12 |             |           |                |
| 320           | 1.6                  | 3.2              | 6.5               | 187.8             | 31.3           | 325                  | 20        | 170          | 3xØ8x12 |             |           |                |
| 500           | 0.63                 | 2                | 4.8               | 73.8              | 12.3           | 325                  | 20        | 293          | 4xØ8x12 | 235         | 500       |                |
| 500           | 1.0                  | 3.2              | 7                 | 117               | 19.5           | 325                  | 20        | 260          | 4xØ8x12 |             |           |                |
| 500           | 1.6                  | 5.2              | 11                | 188               | 31.3           | 325                  | 20        | 260          | 4xØ8x12 |             |           |                |

# FJE 400

## Gearless Traction Machine

Made in Korea



| Series | Speed (m/s) | Capacity code  |
|--------|-------------|----------------|
| 400    | 0.63 - 2.0  | 630kg - 1150kg |

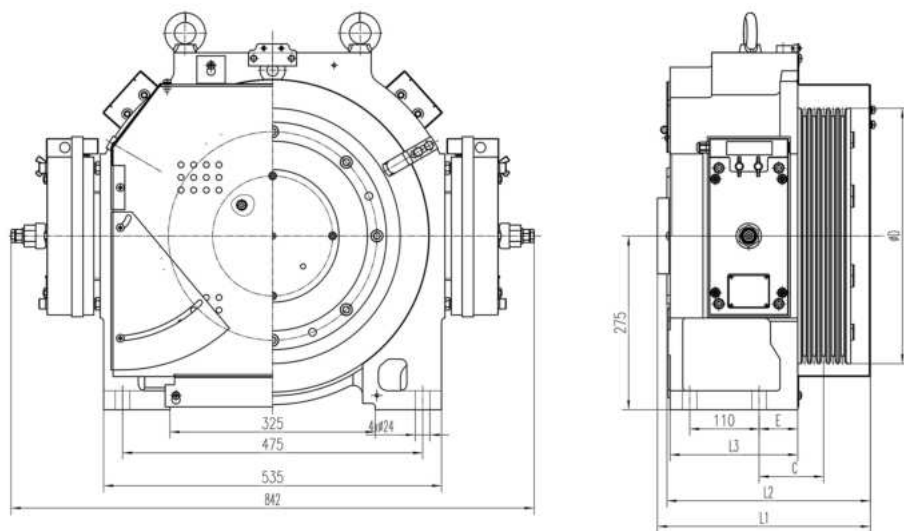
### Traction Machine Parameter

- Traction Ratio: 2:1
- Rated capacity: 630 - 1000kg
- Rated elevator speed: 0.63, 1.0, 1.6, 1.75m/s
- Brake electric current: 2 x 1.35A
- Applicable converter: 3 Phase 320V
- Brake voltage: DC 110V
- Number of motor poles: 32 poles
- Insulation: F

### Features

- Short axial length, suitable for machine roomless elevator application.
- High efficiency with high torque density design.
- Small size, simple structure with high utilization of materials.
- Machine low speed operation smooth, with low noise and small vibration.
- Use block armless brake with high reliability.

### Traction Machine Blueprint



| MAX (kg) | L1  | L2  | L3  | L4  | C     | D   | E  | B  |
|----------|-----|-----|-----|-----|-------|-----|----|----|
| 630      | 340 | 305 | 204 | 102 | 102   | 400 | 61 | 15 |
| 800      | 340 | 305 | 204 | 102 | 102   | 400 | 61 | 15 |
| 1000     | 340 | 305 | 204 | 102 | 102   | 400 | 61 | 15 |
| 1150     | 355 | 330 | 214 | 217 | 111.5 | 400 | 61 | 15 |

### FJE400 - N630/1150 ELEVATOR TRACTION MACHINE

| Capacity (kg) | Elevator speed (m/s) | Rate Speed (rpm) | Frequency (Hz) | Current (A) | Sheave Diameter (mm) | Poles (2p) | Torque (N.m) | Ropes | Weight (kg) | Rated output (kW) | Load (kg) | Traction Ratio |
|---------------|----------------------|------------------|----------------|-------------|----------------------|------------|--------------|-------|-------------|-------------------|-----------|----------------|
| 630           | 0.63                 | 60               | 16             | 5.8         | 400                  | 32         | 420          | 4xΦ10 | 330         | 2.6               | 630       | 2:1            |
| 630           | 1.0                  | 96               | 25.6           | 9.7         | 400                  | 32         | 420          | 4xΦ10 | 330         | 4.2               | 630       | 2:1            |
| 630           | 1.6                  | 153              | 40.8           | 15          | 400                  | 32         | 420          | 4xΦ10 | 330         | 6.7               | 630       | 2:1            |
| 630           | 1.75                 | 167              | 44.5           | 16          | 400                  | 32         | 420          | 4xΦ10 | 330         | 7.3               | 630       | 2:1            |
| 630           | 2.0                  | 192              | 51.2           | 19          | 400                  | 32         | 420          | 4xΦ10 | 330         | 8.4               | 630       | 2:1            |
| 800           | 0.63                 | 60               | 16             | 6.8         | 400                  | 32         | 530          | 5xΦ10 | 330         | 3.3               | 800       | 2:1            |
| 800           | 1.0                  | 96               | 25.6           | 12          | 400                  | 32         | 530          | 5xΦ10 | 330         | 5.3               | 800       | 2:1            |
| 800           | 1.6                  | 153              | 40.8           | 19          | 400                  | 32         | 530          | 5xΦ10 | 330         | 8.5               | 800       | 2:1            |
| 800           | 1.75                 | 167              | 44.5           | 20.7        | 400                  | 32         | 530          | 5xΦ10 | 330         | 9.3               | 800       | 2:1            |
| 800           | 2.0                  | 192              | 51.2           | 23.5        | 400                  | 32         | 530          | 5xΦ10 | 330         | 10.7              | 800       | 2:1            |
| 1000          | 0.63                 | 60               | 16             | 9           | 400                  | 32         | 650          | 5xΦ10 | 350         | 4.1               | 1000      | 2:1            |
| 1000          | 1.0                  | 96               | 25.6           | 14.8        | 400                  | 32         | 650          | 5xΦ10 | 350         | 6.5               | 1000      | 2:1            |
| 1000          | 1.6                  | 153              | 40.8           | 23          | 400                  | 32         | 650          | 5xΦ10 | 350         | 10.4              | 1000      | 2:1            |
| 1000          | 1.75                 | 167              | 44.5           | 26          | 400                  | 32         | 650          | 5xΦ10 | 350         | 11.4              | 1000      | 2:1            |
| 1000          | 2.0                  | 192              | 51.2           | 28          | 400                  | 32         | 650          | 5xΦ10 | 350         | 13.1              | 1000      | 2:1            |
| 1150          | 0.63                 | 60               | 16             | 10.7        | 400                  | 32         | 756          | 6xΦ10 | 360         | 4.7               | 1150      | 2:1            |
| 1150          | 1.0                  | 96               | 25.6           | 16.8        | 400                  | 32         | 756          | 6xΦ10 | 360         | 7.6               | 1150      | 2:1            |
| 1150          | 1.6                  | 153              | 40.8           | 27.3        | 400                  | 32         | 756          | 6xΦ10 | 360         | 12.1              | 1150      | 2:1            |
| 1150          | 1.75                 | 157              | 44.5           | 30          | 400                  | 32         | 756          | 6xΦ10 | 360         | 13.2              | 1150      | 2:1            |
| 1150          | 2.0                  | 192              | 51.2           | 36          | 400                  | 32         | 756          | 6xΦ10 | 360         | 15.2              | 1150      | 2:1            |

# FJE 410/480

## Gearless Traction Machine

Made in Korea 🇰🇷



| Series  | Speed (m/s) | Capacity code   |
|---------|-------------|-----------------|
| 410/480 | 0.63 - 2.0  | 1250kg - 3500kg |

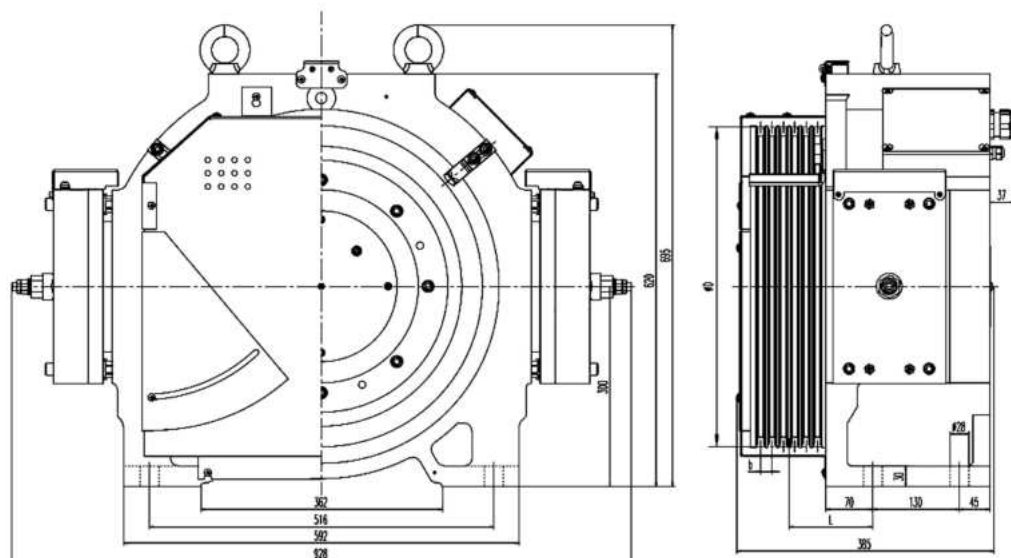
### Traction Machine Parameter

- Traction Ratio: 2:1; 4:1
- Rated capacity: 1250 - 3500kg
- Rated elevator speed: 0.63, 1.0, 1.6, 1.75, 2.0m/s
- Brake electric current: 2 x 1.5A
- Applicable converter: 3 Phase 320V
- Brake voltage: DC 110V
- Duty type: S5 40%

### Features

- Short axial length, suitable for machine roomless elevator application.
- High efficiency with high torque density design.
- Small size, simple structure with high utilization of materials.
- Machine low speed operation smooth, with low noise and small vibration.
- Use block armless brake with high reliability.

### Traction Machine Blueprint



### Product description

This series of gearless machine adopts an outer rotor structure and a unique fixed center axis design, making the stress of the of the host machine more reasonable. The excellent magnetic field design allows the host to run smoothly with low noise and low temperature rise.

### FJE410/480 - N1250/3500 ELEVATOR TRACTION MACHINE

| Type   | Speed (m/s) | Load (kg) | Power (kW) | Rev (r/min) | Frequency (Hz) | Current (A) | Torque (N·m) | Rope     | Traction ratio | Traction D(mm) |
|--------|-------------|-----------|------------|-------------|----------------|-------------|--------------|----------|----------------|----------------|
| FJE480 | 0.63        | 1350      | 5.8        | 50          | 13.4           | 14          | 1100         | 6xΦ12x17 | 2:1            | 480            |
| FJE480 | 1           |           | 9.2        | 80          | 21.2           | 20          |              |          |                |                |
| FJE480 | 1.6         |           | 14.7       | 127         | 34             | 32          |              |          |                |                |
| FJE480 | 1.75        |           | 16         | 139         | 37.1           | 34          |              |          |                |                |
| FJE480 | 2           |           | 18.4       | 159         | 42.4           | 41          |              |          |                |                |
| FJE410 | 0.63        | 1250      | 5.4        | 59          | 15.7           | 13          | 870          | 6xΦ10x15 | 2:1            | 410            |
| FJE410 | 1           |           | 8.5        | 93          | 24.8           | 19          |              |          |                |                |
| FJE410 | 1.6         |           | 13.6       | 149         | 39.7           | 30          |              |          |                |                |
| FJE410 | 1.75        |           | 14.9       | 163         | 43.5           | 32          |              |          |                |                |
| FJE410 | 2           |           | 17         | 186         | 49.7           | 38          |              |          |                |                |
| FJE410 | 0.63        | 1350      | 5.8        | 59          | 15.7           | 14          | 940          | 7xΦ10x15 | 2:1            | 410            |
| FJE410 | 1           |           | 9.2        | 93          | 24.8           | 20          |              |          |                |                |
| FJE410 | 1.6         |           | 14.7       | 149         | 39.7           | 32          |              |          |                |                |
| FJE410 | 1.75        |           | 16         | 163         | 43.5           | 34          |              |          |                |                |
| FJE410 | 2           |           | 18.4       | 186         | 49.7           | 41          |              |          |                |                |
| FJE410 | 0.63        | 1600      | 6.9        | 59          | 15.7           | 17          | 1116         | 7xΦ10x15 | 2:1            | 410            |
| FJE410 | 1           |           | 10.9       | 93          | 24.8           | 24          |              |          |                |                |
| FJE410 | 1.6         |           | 17.4       | 149         | 39.7           | 37          |              |          |                |                |
| FJE410 | 1.75        |           | 19         | 163         | 43.5           | 40          |              |          |                |                |
| FJE410 | 2           |           | 21.8       | 186         | 49.7           | 48          |              |          |                |                |
| FJE410 | 0.5         | 3000      | 9.8        | 93          | 24.8           | 23          | 1015         | 7xΦ10x15 | 4:1            | 410            |
| FJE410 | 1           |           | 19.6       | 186         | 49.7           | 45          | 1015         | 7xΦ10x15 |                | 410            |
| FJE480 | 0.5         |           | 9.8        | 80          | 21.2           | 23          | 1178         | 6XΦ12X17 |                | 480            |
| FJE480 | 1           |           | 19.6       | 159         | 42.4           | 45          | 1178         | 6XΦ12X17 |                | 480            |
| FJE410 | 0.5         |           | 11.4       | 93          | 24.8           | 25          | 1165         | 7xΦ10x15 |                | 410            |
| FJE410 | 1           | 3500      | 22.7       | 186         | 49.7           | 49          | 1165         | 7xΦ10x15 |                | 410            |

### Product description

This series of gearless machine adopts an outer rotor structure and a unique fixed center axis design, making the stress of the of the host machine more reasonable. The excellent magnetic field design allows the host to run smoothly with low noise and low temperature rise.

# FJE 500

## Gearless Traction Machine

Made in Korea



| Series | Speed (m/s) | Capacity code  |
|--------|-------------|----------------|
| 500    | 1.0 - 2.5   | 800kg - 2500kg |

### Traction Machine Parameter

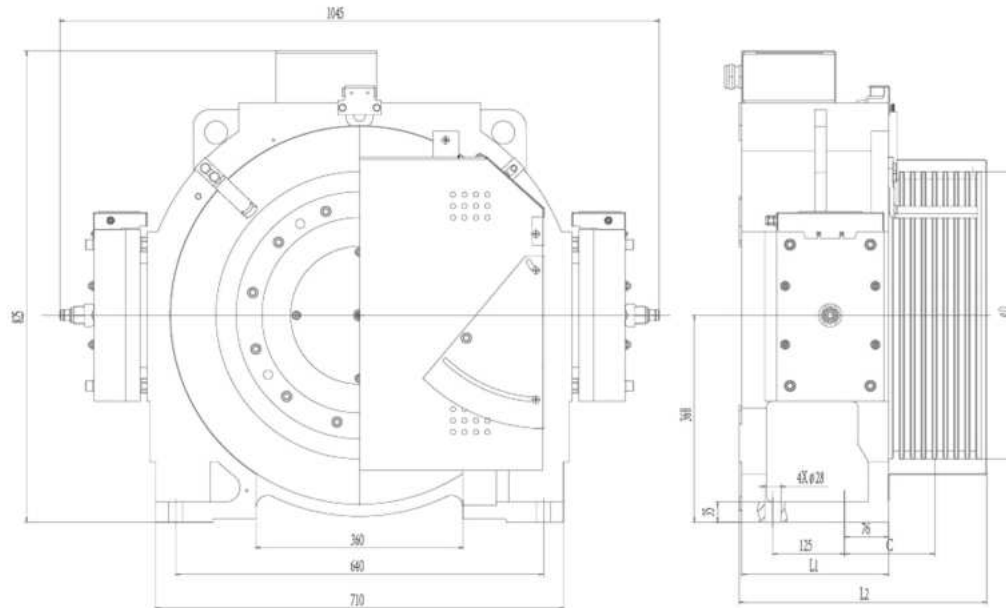
- Max. shaft load: 6000kg
- Applicable converter: 3 phase 400V
- Brake voltage: DC110
- Bake current: 2x2.2A
- Working time: S5 40%
- Insulation: F

### Features

- Short axial length, suitable for machine roomless elevator application.
- High efficiency with high torque density design.
- Small size, simple structure with high utilization of materials.
- Machine low speed operation smooth, with low noise and small vibration.
- Use block armless brake with high reliability.

### Traction Machine Blueprint

Overall dimensions and mounting dimensions



### FJE500 - N800/2500 ELEVATOR TRACTION MACHINE

| Load (Kg) | Elevator Speed (m/s) | Rated Speed (rpm) | Frequency (Hz) | Power (kW) | Current (A) | Torque (N*m) | Rope      | Traction Ration | C     | D   | L1  | L2  |
|-----------|----------------------|-------------------|----------------|------------|-------------|--------------|-----------|-----------------|-------|-----|-----|-----|
| 800       | 1                    | 38                | 9.5            | 5.5        | 14          | 1360         | 5xφ12X19  | 1:1             | 151.5 | 500 | 240 | 410 |
|           | 1.6                  | 61                | 15.3           | 8.7        | 20          |              |           |                 |       |     |     |     |
|           | 1.75                 | 67                | 16.8           | 9.5        | 22          |              |           |                 |       |     |     |     |
|           | 2                    | 76                | 19.0           | 10.9       | 25          |              |           |                 |       |     |     |     |
|           | 2.5                  | 96                | 24.0           | 13.6       | 30          |              |           |                 |       |     |     |     |
| 1000      | 1                    | 38                | 9.5            | 6.8        | 17          | 1700         | 6xφ12X19  |                 |       |     |     |     |
|           | 1.6                  | 61                | 15.3           | 10.9       | 25          |              |           |                 |       |     |     |     |
|           | 1.75                 | 67                | 16.8           | 11.9       | 27          |              |           |                 |       |     |     |     |
|           | 2                    | 76                | 19.0           | 13.6       | 30          |              |           |                 |       |     |     |     |
|           | 2.5                  | 96                | 24.0           | 17         | 37          |              |           |                 |       |     |     |     |
| 1250      | 1                    | 46                | 11.5           | 8.3        | 21          | 1700         | 10xφ10x14 |                 |       |     |     |     |
|           | 1.6                  | 74                | 18.5           | 13.3       | 33          |              |           |                 |       |     |     |     |
|           | 1.75                 | 82                | 20.5           | 14.6       | 36          |              |           |                 |       |     |     |     |
|           | 2                    | 93                | 23.3           | 16.6       | 40          |              |           |                 |       |     |     |     |
|           | 2.5                  | 96                | 24.0           | 17         | 37          |              |           |                 |       |     |     |     |
| 1350      | 1                    | 77                | 19.3           | 9.2        | 23          | 1148         | 5xφ12X19  |                 |       |     |     |     |
|           | 1.6                  | 122               | 30.5           | 14.7       | 34          |              |           |                 |       |     |     |     |
|           | 1.75                 | 134               | 33.5           | 16         | 37          |              |           |                 |       |     |     |     |
|           | 2                    | 153               | 38.3           | 18.4       | 41          |              |           |                 |       |     |     |     |
|           | 2.5                  | 191               | 47.8           | 23         | 51          |              |           |                 |       |     |     |     |
| 1600      | 1                    | 76                | 19.0           | 10.9       | 25          | 1360         | 6xφ12X19  |                 |       |     |     |     |
|           | 1.6                  | 122               | 30.5           | 17.3       | 40          |              |           |                 |       |     |     |     |
|           | 1.75                 | 134               | 33.5           | 19         | 43          |              |           |                 |       |     |     |     |
|           | 2                    | 153               | 38.3           | 21.8       | 48          |              |           |                 |       |     |     |     |
|           | 2.5                  | 191               | 47.8           | 27.2       | 60          |              |           |                 |       |     |     |     |
| 2000      | 1                    | 76                | 19.0           | 13.6       | 30          | 1700         | 7xφ12X19  |                 |       |     |     |     |
|           | 1.6                  | 122               | 30.5           | 21.8       | 50          |              |           |                 |       |     |     |     |
|           | 1.75                 | 134               | 33.5           | 23.8       | 54          |              |           |                 |       |     |     |     |
|           | 2                    | 153               | 38.3           | 27.2       | 60          |              |           |                 |       |     |     |     |
|           | 2.5                  | 191               | 47.8           | 34         | 75          |              |           |                 |       |     |     |     |
| 1600      | 1                    | 93                | 23.3           | 10.9       | 25          | 1120         |           |                 |       |     |     |     |
|           | 1.6                  | 149               | 37.3           | 17.3       | 40          |              |           |                 |       |     |     |     |
|           | 1.75                 | 163               | 40.8           | 19         | 43          |              |           |                 |       |     |     |     |
|           | 2                    | 186               | 46.5           | 21.8       | 48          |              |           |                 |       |     |     |     |
|           | 2.5                  | 191               | 47.8           | 27.2       | 60          |              |           |                 |       |     |     |     |
| 2000      | 1                    | 93                | 23.3           | 13.6       | 30          | 1390         | 10xφ10x14 |                 |       |     |     |     |
|           | 1.6                  | 149               | 37.3           | 21.8       | 50          |              |           |                 |       |     |     |     |
|           | 1.75                 | 163               | 40.8           | 23.8       | 54          |              |           |                 |       |     |     |     |
|           | 2                    | 186               | 46.5           | 27.2       | 60          |              |           |                 |       |     |     |     |
|           | 2.5                  | 191               | 47.8           | 34         | 75          |              |           |                 |       |     |     |     |
| 2500      | 1                    | 93                | 23.3           | 16.6       | 40          | 1700         |           |                 |       |     |     |     |
|           | 1.6                  | 149               | 37.3           | 26.6       | 60          |              |           |                 |       |     |     |     |
|           | 1.75                 | 163               | 40.8           | 29.1       | 67          |              |           |                 |       |     |     |     |
|           | 2                    | 186               | 46.5           | 33.2       | 76          |              |           |                 |       |     |     |     |
|           | 2.5                  | 191               | 47.8           | 34         | 75          |              |           |                 |       |     |     |     |

# FJT 320

## Gearless Traction Machine

Made in Thailand



| Series | Speed (m/s) | Capacity code |
|--------|-------------|---------------|
| 320    | 0.5 - 2.0   | 450kg         |

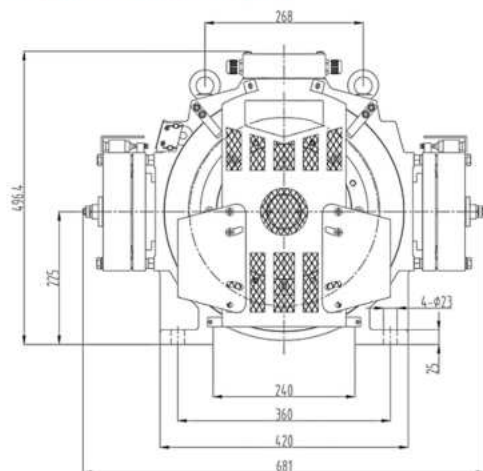
### Traction Machine Parameter

- Rated Voltage: AC 380V
- Brake Voltage: DC 110V
- Pole: 24
- Weight: 200kg
- Shaft load (kg): 2000kg
- Work duty: S5-60%
- Insulation: F

### Features

- Short axial length, suitable for machine roomless elevator application.
- High efficiency with high torque density design.
- Small size, simple structure with high utilization of materials.
- Machine low speed operation smooth, with low noise and small vibration.
- Use block armless brake with high reliability.

### Traction Machine Blueprint



### FJT320 - N450 ELEVATOR TRACTION MACHINE (ROPING 2:1)

| Capacity (kg) | Elevator Speed (m/s) | Rated Power (kW) | Rated Current (A) | Rated Speed (rpm) | Frequency (Hz) | Sheave Diameter (mm) | Poles (2p) | Torque (N.m) | Ropes | Trance Ratio |
|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------------|----------------|----------------------|------------|--------------|-------|--------------|
| 450           | 0.5                  | 1.5              | 5.5               | 60                | 14             | 320                  | 28         | 239          | 4xΦ8  | 2:1          |
| 450           | 1                    | 3.3              | 8.5               | 119               | 27.8           | 320                  | 28         | 241          | 4xΦ8  | 2:1          |
| 450           | 1.5                  | 4.3              | 11                | 179               | 41.8           | 320                  | 28         | 229          | 4xΦ8  | 2:1          |
| 450           | 2                    | 4.6              | 11                | 191               | 44.6           | 320                  | 28         | 230          | 4xΦ8  | 2:1          |

# FJT 400

## Gearless Traction Machine

Made in Thailand



| Series | Speed (m/s) | Capacity code  |
|--------|-------------|----------------|
| 400    | 1.0 - 2.0   | 630kg - 1050kg |

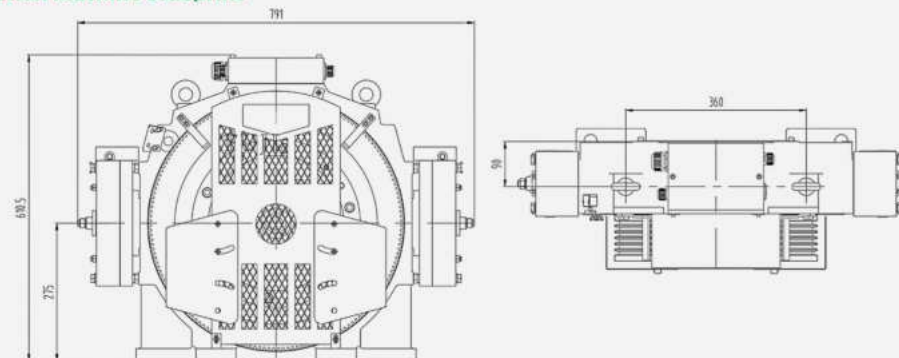
### Traction Machine Parameter

- Rated Voltage: AC 380V
- Brake Voltage: DC 110V
- Pole: 40
- Weight: 320kg
- Shaft load (kg): 3000kg
- Work duty: S5-60%
- Insulation: F

### Features

- Short axial length, suitable for machine roomless elevator application.
- High efficiency with high torque density design.
- Small size, simple structure with high utilization of materials.
- Machine low speed operation smooth, with low noise and small vibration.
- Use block armless brake with high reliability.

### Traction Machine Blueprint



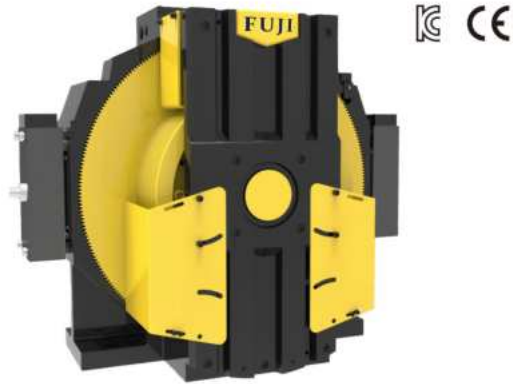
### T400 - N630/1050 ELEVATOR TRACTION MACHINE (ROPING 2:1)

| Capacity (kg) | Elevator Speed (m/s) | Rated Power (kW) | Rated Current (A) | Rated Speed (rpm) | Frequency (Hz) | Sheave Diameter (mm) | Poles (2p) | Torque (N.m) | Ropes | Trance Ratio |
|---------------|----------------------|------------------|-------------------|-------------------|----------------|----------------------|------------|--------------|-------|--------------|
| 630           | 1.0                  | 4.2              | 11                | 96                | 32             | 400                  | 40         | 333          | 4xΦ10 | 2:1          |
| 630           | 1.5                  | 6                | 15.5              | 144               | 48             | 400                  | 40         | 332          | 4xΦ10 | 2:1          |
| 630           | 2.0                  | 7                | 17                | 192               | 64             | 400                  | 40         | 332          | 4xΦ10 | 2:1          |
| 800           | 1.0                  | 5.0              | 13.7              | 96                | 32             | 400                  | 40         | 498          | 5xΦ10 | 2:1          |
| 800           | 1.5                  | 7.8              | 20                | 144               | 48             | 400                  | 40         | 517          | 5xΦ10 | 2:1          |
| 800           | 2.0                  | 10.5             | 26.5              | 192               | 64             | 400                  | 40         | 522          | 5xΦ10 | 2:1          |
| 1000          | 1.0                  | 6.15             | 17.1              | 96                | 32             | 400                  | 40         | 612          | 5xΦ10 | 2:1          |
| 1000          | 1.5                  | 9.2              | 24.3              | 144               | 48             | 400                  | 40         | 610          | 5xΦ10 | 2:1          |
| 1000          | 2.0                  | 12.3             | 31                | 192               | 64             | 400                  | 40         | 612          | 5xΦ10 | 2:1          |
| 1050          | 1.0                  | 6.4              | 17.8              | 96                | 32             | 400                  | 40         | 637          | 5xΦ10 | 2:1          |
| 1050          | 1.5                  | 9.7              | 25.2              | 144               | 48             | 400                  | 40         | 642          | 5xΦ10 | 2:1          |
| 1050          | 2.0                  | 12.9             | 32.7              | 192               | 64             | 400                  | 40         | 633          | 5xΦ10 | 2:1          |

# FJT 500

## Gearless Traction Machine

Made in Thailand 



| Series | Speed (m/s) | Capacity code |
|--------|-------------|---------------|
| FJT500 | 1 - 2.5     | 1000 - 2000kg |

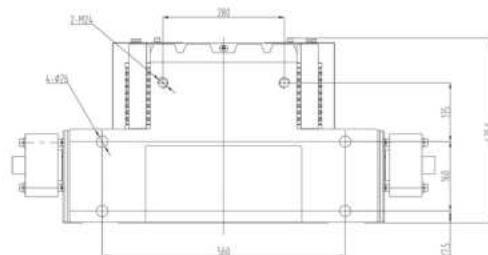
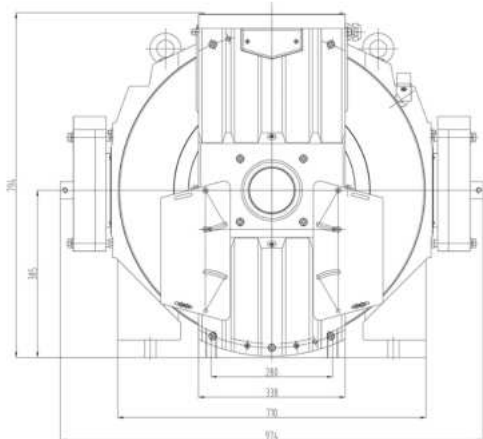
### Traction Machine Parameter

- Voltage: 380V
- Rated capacity: 1000 - 2000kg
- Suspension: 1:1, 2:1
- Traction wheel Dia: Ø450
- Rating: 55-60%
- Max.Static Load: 7000kg
- Insulation: F

### Features

- Short axial length, suitable for machine roomless elevator application.
- High efficiency with high torque density design.
- Small size, simple structure with high utilization of materials.
- Machine low speed operation smooth, with low noise and small vibration.
- Use block armless brake with high reliability.

### Traction Machine Blueprint



### FJT500 - N1000/2000 ELEVATOR TRACTION MACHINE (ROPING 1:1, 2:1)

| Model  | Trace Ratio | Rtd Load (kg) | Rtd Speed (m/s) | Rotation Speed (r/min) | Rtd Torque (N.m) | Weight (kg) | Rtd Power (kW) | Rtd Volt (V) | Rtd Current (A) | Rtd Frequency (Hz) | Rope   | Groove (mm) |
|--------|-------------|---------------|-----------------|------------------------|------------------|-------------|----------------|--------------|-----------------|--------------------|--------|-------------|
| FJT500 | 1:1         | 1000          | 1.75            | 74.4                   | 1380             | 750         | 10.75          | 380          | 28.8            | 24.8               | 9xφx10 | 15          |
| FJT500 | 1:1         | 1000          | 2               | 84.9                   | 1474             | 750         | 13.1           | 380          | 34.6            | 28.3               | 9xφx10 | 15          |
| FJT500 | 2:1         | 1150          | 2.5             | 212                    | 792              | 750         | 17.6           | 380          | 43.2            | 70.7               | 9xφx10 | 15          |
| FJT500 | 2:1         | 1250          | 2               | 169.8                  | 917              | 750         | 16.3           | 380          | 40.4            | 56.6               | 9xφx10 | 15          |
| FJT500 | 2:1         | 1250          | 2.5             | 212                    | 919              | 750         | 20.4           | 380          | 49.9            | 70.7               | 9xφx10 | 15          |
| FJT500 | 2:1         | 1350          | 1.75            | 148.5                  | 990              | 750         | 15.4           | 380          | 38.3            | 49.5               | 9xφx10 | 15          |
| FJT500 | 2:1         | 1350          | 2               | 169.8                  | 990              | 750         | 17.6           | 380          | 43.1            | 56.6               | 9xφx10 | 15          |
| FJT500 | 2:1         | 1350          | 2.5             | 212                    | 991              | 750         | 22             | 380          | 53.6            | 70.7               | 9xφx10 | 15          |
| FJT500 | 2:1         | 1600          | 1               | 84.9                   | 1170             | 750         | 10.4           | 380          | 27.6            | 28.3               | 9xφx10 | 15          |
| FJT500 | 2:1         | 1600          | 1.75            | 148.5                  | 1170             | 750         | 18.2           | 380          | 45.8            | 49.5               | 9xφx10 | 15          |
| FJT500 | 2:1         | 1600          | 2               | 169.8                  | 1170             | 750         | 20.8           | 380          | 51              | 56.6               | 9xφx10 | 15          |
| FJT500 | 2:1         | 1600          | 2.5             | 212                    | 1176             | 750         | 26.1           | 380          | 63.3            | 70.7               | 9xφx10 | 15          |
| FJT500 | 2:1         | 1800          | 1               | 84.9                   | 1327             | 750         | 11.8           | 380          | 30.9            | 28.3               | 9xφx10 | 15          |
| FJT500 | 2:1         | 1800          | 1.75            | 148.5                  | 1331             | 750         | 20.7           | 380          | 50.8            | 49.5               | 9xφx10 | 15          |
| FJT500 | 2:1         | 1800          | 2               | 169.8                  | 1327             | 750         | 23.6           | 380          | 60.1            | 56.6               | 9xφx10 | 15          |
| FJT500 | 2:1         | 1800          | 2.5             | 212                    | 1329             | 750         | 29.5           | 380          | 74.1            | 70.7               | 9xφx10 | 15          |
| FJT500 | 2:1         | 2000          | 1               | 84.9                   | 1474             | 750         | 13.1           | 380          | 34.2            | 28.3               | 9xφx10 | 15          |
| FJT500 | 2:1         | 2000          | 1.75            | 148.5                  | 1473             | 750         | 22.9           | 380          | 56.2            | 49.5               | 9xφx10 | 15          |
| FJT500 | 2:1         | 2000          | 2               | 169.8                  | 1474             | 750         | 26.2           | 380          | 63.8            | 56.6               | 9xφx10 | 15          |
| FJT500 | 2:1         | 2000          | 2.5             | 212                    | 1473             | 750         | 32.7           | 380          | 84.3            | 70.7               | 9xφx10 | 15          |

# TORIN GTW7A

## Gearless Traction Machine

Made in Thailand 

| Series | Speed (m/s) | Capacity code |
|--------|-------------|---------------|
| GTW7A  | 1 - 1.75    | 320 - 630kg   |

### Traction Machine Parameter

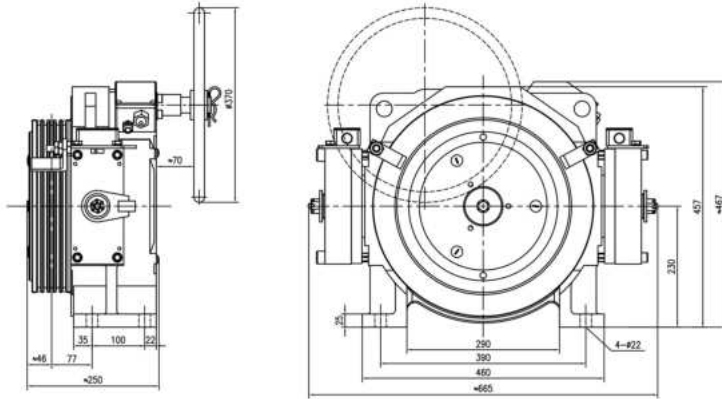
- Voltage: 380V
- Rated capacity: 320 - 630kg
- Suspension: 2:1
- FZD10 Brake: DC110V 2x0.84A (2x1.46A)
- Weight: 190kg
- Max.Static Load: 2000kg
- Insulation: F



### Features

- Short axial length, suitable for machine roomless elevator application.
- High efficiency with high torque density design.
- Small size, simple structure with high utilization of materials.
- Machine low speed operation smooth, with low noise and small vibration.
- Use block armless brake with high reliability.

### Traction Machine Blueprint



| Spec        | Load (kg) | Lift Speed (m/s) | Sheave Diam(mm) | Rope Sheave (mm) | Current (A) | Torque (Nm) | ated Speed (rpm) | Frequency (Hz) | Power (kW) | Pole | Rating  | INS.Class | IP Code |
|-------------|-----------|------------------|-----------------|------------------|-------------|-------------|------------------|----------------|------------|------|---------|-----------|---------|
| GTW7A-31P0A | 320       | 1                | 0325            | 3xΦ8x12          | 6.3         | 200         | 118              | 31.5           | 2.5        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| GTW7A-31P5A | 320       | 1.5              | 0325            | 3xΦ8x12          | 8.9         | 200         | 177              | 47.2           | 3.7        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| GTW7A-31P6A | 320       | 1.6              | 0325            | 3xΦ8x12          | 9.4         | 200         | 189              | 50.4           | 4          | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| GTW7A-31P7A | 320       | 1.75             | 0325            | 3xΦ8x12          | 9.4         | 200         | 206              | 54.9           | 4.3        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| GTW7A-41P0A | 450       | 1                | 0325            | 4xΦ8x12          | 8.3         | 265         | 118              | 31.5           | 3.3        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| GTW7A-41P5A | 450       | 1.5              | 0325            | 4xΦ8x12          | 11.9        | 265         | 177              | 47.2           | 4.9        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| GTW7A-41P6A | 450       | 1.6              | 0325            | 4xΦ8x12          | 13.7        | 265         | 189              | 50.4           | 5.2        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| GTW7A-41P7A | 450       | 1.75             | 0325            | 4xΦ8x12          | 13.7        | 265         | 206              | 54.9           | 5.7        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| GTW7A-51P0A | 550       | 1                | 0325            | 5xΦ8x12          | 8.6         | 290         | 118              | 31.5           | 3.6        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| GTW7A-51P5A | 550       | 1.5              | 0325            | 5xΦ8x12          | 12.4        | 290         | 177              | 47.2           | 5.4        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| GTW7A-51P6A | 550       | 1.6              | 0325            | 5xΦ8x12          | 14.3        | 290         | 189              | 50.4           | 5.7        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| GTW7A-51P7A | 550       | 1.75             | 0325            | 5xΦ8x12          | 14.3        | 290         | 206              | 54.9           | 6.3        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| GTW7A-61P0A | 630       | 1                | 0325            | 5xΦ8x12          | 9.6         | 325         | 118              | 31.5           | 4          | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| GTW7A-61P5A | 630       | 1.5              | 0325            | 5xΦ8x12          | 13.9        | 325         | 177              | 47.2           | 6          | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| GTW7A-61P6A | 630       | 1.6              | 0325            | 5xΦ8x12          | 16          | 325         | 189              | 50.4           | 6.4        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| GTW7A-61P7A | 630       | 1.75             | 0325            | 5xΦ8x12          | 16          | 325         | 206              | 54.9           | 7          | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |

# TORIN GTW9S

## Gearless Traction Machine

Made in Thailand 

| Series | Speed (m/s) | Capacity code |
|--------|-------------|---------------|
| GTW9S  | 1 - 2       | 630 - 1000kg  |

### Traction Machine Parameter

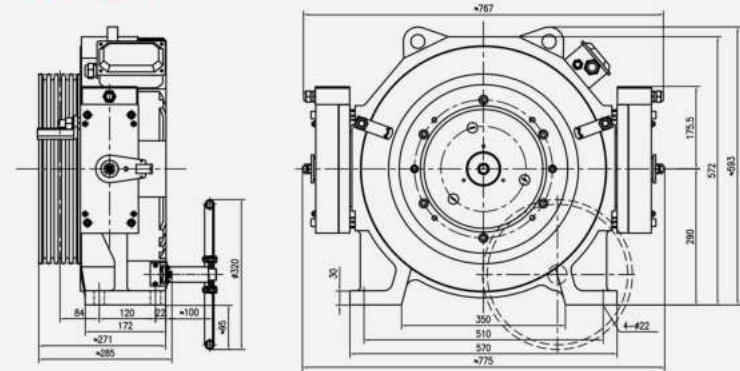
- Voltage: 380V
- Rated capacity: 630 - 1000kg
- Suspension: 2:1
- Brake: DC110V 2x1.0A
- Rating: S5(49%)
- Max.Static Load: 3000kg
- Insulation: F



### Features

- Short axial length, suitable for machine roomless elevator application.
- High efficiency with high torque density design.
- Small size, simple structure with high utilization of materials.
- Machine low speed operation smooth, with low noise and small vibration.
- Use block armless brake with high reliability.

### Traction Machine Blueprint



| Spec         | Load (kg) | Lift Speed (m/s) | Height (m) | Sheave Diam(mm) | Rope Sheave (mm) | Current (A) | Torque (Nm) | Rated Speed (rpm) | Frequency (Hz) | Power (kW) | Pole | Rating  | INS.Class | IP Code |
|--------------|-----------|------------------|------------|-----------------|------------------|-------------|-------------|-------------------|----------------|------------|------|---------|-----------|---------|
| GTW9S-61P0A  | 630       | 1                | <80        | 0400            | 4xΦ10x16         | 9.7         | 389         | 96                | 25.6           | 3.9        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| GTW9S-61P5A  | 630       | 1.5              | <80        | 0400            | 4xΦ10x16         | 14.9        | 420         | 144               | 38.4           | 6.3        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| GTW9S-61P6A  | 630       | 1.6              | <80        | 0400            | 4xΦ10x16         | 14.9        | 420         | 153               | 40.8           | 6.7        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| GTW9S-61P7A  | 630       | 1.75             | <80        | 0400            | 4xΦ10x16         | 15.9        | 420         | 167               | 44.5           | 7.3        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| GTW9S-62P0A  | 630       | 2                | <80        | 0400            | 4xΦ10x16         | 18.3        | 420         | 192               | 51.2           | 8.4        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| GTW9S-81P0A  | 800       | 1                | <80        | 0400            | 5xΦ10x16         | 12.1        | 502         | 96                | 25.6           | 5.0        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| GTW9S-81P5A  | 800       | 1.5              | <80        | 0400            | 5xΦ10x16         | 18.8        | 530         | 144               | 38.4           | 8.0        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| GTW9S-81P6A  | 800       | 1.6              | <80        | 0400            | 5xΦ10x16         | 18.8        | 530         | 153               | 40.8           | 8.5        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| GTW9S-81P7A  | 800       | 1.75             | <80        | 0400            | 5xΦ10x16         | 20.7        | 530         | 167               | 44.5           | 9.3        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| GTW9S-82P0A  | 800       | 2                | <80        | 0400            | 5xΦ10x16         | 23.2        | 530         | 192               | 51.2           | 10.7       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| GTW9S-101P0A | 1000      | 1                | <80        | 0400            | 5xΦ10x16         | 14.7        | 604         | 96                | 25.6           | 6.1        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| GTW9S-101P5A | 1000      | 1.5              | <80        | 0400            | 5xΦ10x16         | 22.9        | 650         | 144               | 38.4           | 9.8        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| GTW9S-101P6A | 1000      | 1.6              | <80        | 0400            | 5xΦ10x16         | 22.9        | 650         | 153               | 40.8           | 10.4       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| GTW9S-101P7A | 1000      | 1.75             | <80        | 0400            | 5xΦ10x16         | 25.1        | 650         | 167               | 44.5           | 11.4       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| GTW9S-102P0A | 1000      | 2                | <80        | 0400            | 5xΦ10x16         | 28.2        | 650         | 192               | 51.2           | 13.1       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |

# FKE 325

## Gearless Traction Machine

Made in Korea



| Series | Speed (m/s) | Capacity code |
|--------|-------------|---------------|
| FKE325 | 1 - 1.75    | 320 - 630kg   |

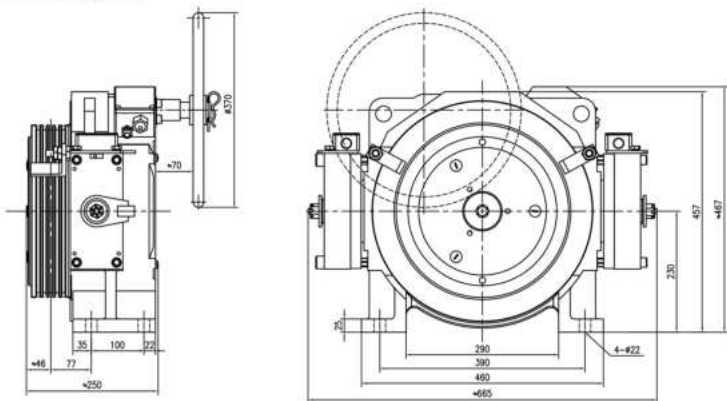
### Traction Machine Parameter

- Voltage: 380V
- Rated capacity: 320 - 630kg
- Suspension: 2:1
- FZD10 Brake: DC110V 2x0.84A (2x1.46A)
- Weight: 190kg
- Max.Static Load: 2000kg
- Insulation: F

### Features

- Short axial length, suitable for machine roomless elevator application.
- High efficiency with high torque density design.
- Small size, simple structure with high utilization of materials.
- Machine low speed operation smooth, with low noise and small vibration.
- Use block armless brake with high reliability.

### Traction Machine Blueprint



| Spec    | Load (kg) | Lift Speed (m/s) | Sheave Diam(mm) | Rope Sheave (mm) | Current (A) | Torque (Nm) | ated Speed (rpm) | Frequency (Hz) | Power (kW) | Pole | Rating  | INS.Class | IP Code |
|---------|-----------|------------------|-----------------|------------------|-------------|-------------|------------------|----------------|------------|------|---------|-----------|---------|
| FKE 325 | 320       | 1                | 0325            | 3xΦ8x12          | 6.3         | 200         | 118              | 31.5           | 2.5        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 325 | 320       | 1.5              | 0325            | 3xΦ8x12          | 8.9         | 200         | 177              | 47.2           | 3.7        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 325 | 320       | 1.6              | 0325            | 3xΦ8x12          | 9.4         | 200         | 189              | 50.4           | 4          | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 325 | 320       | 1.75             | 0325            | 3xΦ8x12          | 9.4         | 200         | 206              | 54.9           | 4.3        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 325 | 450       | 1                | 0325            | 4xΦ8x12          | 8.3         | 265         | 118              | 31.5           | 3.3        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 325 | 450       | 1.5              | 0325            | 4xΦ8x12          | 11.9        | 265         | 177              | 47.2           | 4.9        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 325 | 450       | 1.6              | 0325            | 4xΦ8x12          | 13.7        | 265         | 189              | 50.4           | 5.2        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 325 | 450       | 1.75             | 0325            | 4xΦ8x12          | 13.7        | 265         | 206              | 54.9           | 5.7        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 325 | 550       | 1                | 0325            | 5xΦ8x12          | 8.6         | 290         | 118              | 31.5           | 3.6        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 325 | 550       | 1.5              | 0325            | 5xΦ8x12          | 12.4        | 290         | 177              | 47.2           | 5.4        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 325 | 550       | 1.6              | 0325            | 5xΦ8x12          | 14.3        | 290         | 189              | 50.4           | 5.7        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 325 | 550       | 1.75             | 0325            | 5xΦ8x12          | 14.3        | 290         | 206              | 54.9           | 6.3        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 325 | 630       | 1                | 0325            | 5xΦ8x12          | 9.6         | 325         | 118              | 31.5           | 4          | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 325 | 630       | 1.5              | 0325            | 5xΦ8x12          | 13.9        | 325         | 177              | 47.2           | 6          | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 325 | 630       | 1.6              | 0325            | 5xΦ8x12          | 16          | 325         | 189              | 50.4           | 6.4        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 325 | 630       | 1.75             | 0325            | 5xΦ8x12          | 16          | 325         | 206              | 54.9           | 7          | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |

# FKE 400

## Gearless Traction Machine

Made in Korea



| Series | Speed (m/s) | Capacity code |
|--------|-------------|---------------|
| FKE400 | 1 - 2       | 630 - 1000kg  |

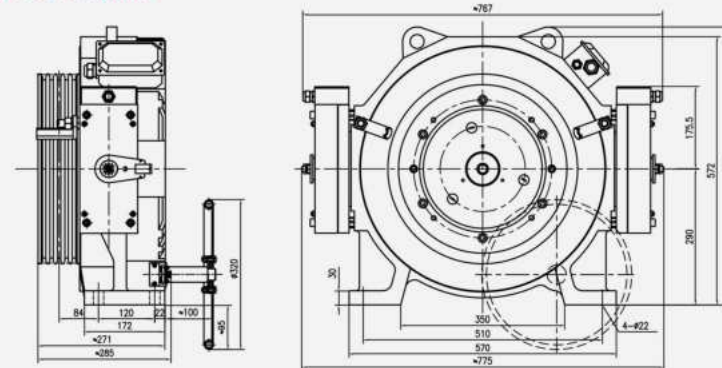
### Traction Machine Parameter

- Voltage: 380V
- Rated capacity: 630 - 1000kg
- Suspension: 2:1
- Brake: DC110V 2x1.0A
- Rating: S5(49%)
- Max.Static Load: 3000kg
- Insulation: F

### Features

- Short axial length, suitable for machine roomless elevator application.
- High efficiency with high torque density design.
- Small size, simple structure with high utilization of materials.
- Machine low speed operation smooth, with low noise and small vibration.
- Use block armless brake with high reliability.

### Traction Machine Blueprint



| Spec    | Load (kg) | Lift Speed (m/s) | Height (m) | Sheave Diam(mm) | Rope Sheave (mm) | Current (A) | Torque (Nm) | Rated Speed (rpm) | Frequency (Hz) | Power (kW) | Pole | Rating  | INS.Class | IP Code |
|---------|-----------|------------------|------------|-----------------|------------------|-------------|-------------|-------------------|----------------|------------|------|---------|-----------|---------|
| FKE 400 | 630       | 1                | <80        | 0400            | 4xΦ10x16         | 9.7         | 389         | 96                | 25.6           | 3.9/4.2    | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 400 | 630       | 1.5              | <80        | 0400            | 4xΦ10x16         | 14.9        | 420         | 144               | 38.4           | 6.3        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 400 | 630       | 1.6              | <80        | 0400            | 4xΦ10x16         | 14.9        | 420         | 153               | 40.8           | 6.7        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 400 | 630       | 1.75             | <80        | 0400            | 4xΦ10x16         | 15.9        | 420         | 167               | 44.5           | 7.3        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 400 | 630       | 2                | <80        | 0400            | 4xΦ10x16         | 18.3        | 420         | 192               | 51.2           | 8.4        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 400 | 800       | 1                | <80        | 0400            | 5xΦ10x16         | 12.1        | 502         | 96                | 25.6           | 5.0        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 400 | 800       | 1.5              | <80        | 0400            | 5xΦ10x16         | 18.8        | 530         | 144               | 38.4           | 8.0        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 400 | 800       | 1.6              | <80        | 0400            | 5xΦ10x16         | 18.8        | 530         | 153               | 40.8           | 8.5        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 400 | 800       | 1.75             | <80        | 0400            | 5xΦ10x16         | 20.7        | 530         | 167               | 44.5           | 9.3        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 400 | 800       | 2                | <80        | 0400            | 5xΦ10x16         | 23.2        | 530         | 192               | 51.2           | 10.7       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 400 | 1000      | 1                | <80        | 0400            | 5xΦ10x16         | 14.7        | 604         | 96                | 25.6           | 6.1        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 400 | 1000      | 1.5              | <80        | 0400            | 5xΦ10x16         | 22.9        | 650         | 144               | 38.4           | 9.8        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 400 | 1000      | 1.6              | <80        | 0400            | 5xΦ10x16         | 22.9        | 650         | 153               | 40.8           | 10.4       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 400 | 1000      | 1.75             | <80        | 0400            | 5xΦ10x16         | 25.1        | 650         | 167               | 44.5           | 11.4       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 400 | 1000      | 2                | <80        | 0400            | 5xΦ10x16         | 28.2        | 650         | 192               | 51.2           | 13.1       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |

# FKE 410/485

## Gearless Traction Machine

Made in Korea



| Series     | Speed (m/s) | Capacity code |
|------------|-------------|---------------|
| FKE410/485 | 1 - 2.5     | 1350 - 3000kg |

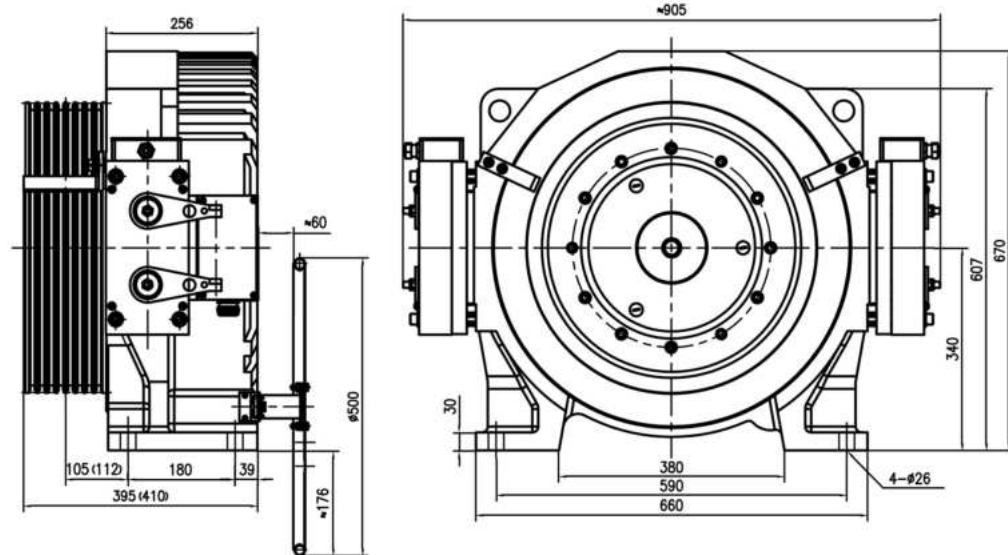
### Traction Machine Parameter

- Voltage: 380V
- Rated capacity: 1350 - 3000kg
- Suspension: 2:1/4:1
- Brake: DC110V 2x2A
- Rating: S5(40%)
- Max.Static Load: 6000kg
- Insulation: F

### Features

- Short axial length, suitable for machine roomless elevator application.
- High efficiency with high torque density design.
- Small size, simple structure with high utilization of materials.
- Machine low speed operation smooth, with low noise and small vibration.
- Use block armless brake with high reliability.

### Traction Machine Blueprint



The dimensions of specs with  $\Phi 410$  sheave are shown in parenthesesless.

### REMARK

1. The machine can be configured with the remote manual brake release with 4 meters wire.
2. The recommended height is for reference only. Please contact our technical interface for confirmation when it exceeds the recommended height and the rating.

### FKE410/485 - N1350/3000 ELEVATOR TRACTION MACHINE

| Spec    | Load (kg) | Lift Speed (m/s) | Suspension | Height (m) | Sheave Diam (mm) | Rope Sheave (mm) | Current (A) | Torque (Nm) | Rated Speed (rpm) | Frequency (Hz) | Power (kW) | Pole | Rating  | INS.Class | IP Code |
|---------|-----------|------------------|------------|------------|------------------|------------------|-------------|-------------|-------------------|----------------|------------|------|---------|-----------|---------|
| FKE 410 | 1350      | 1                | 2:1        | <80        | $\Phi 410$       | 7x010x16         | 19.0        | 910         | 93                | 24.8           | 8.9        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 410 | 1350      | 1.5              | 2:1        | <80        | $\Phi 410$       | 7x010x16         | 30.2        | 910         | 140               | 37.3           | 13.3       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 410 | 1350      | 1.6              | 2:1        | <80        | $\Phi 410$       | 7x010x16         | 30.2        | 910         | 149               | 39.7           | 14.2       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 410 | 1350      | 1.75             | 2:1        | <80        | $\Phi 410$       | 7x010x16         | 33.7        | 910         | 163               | 43.5           | 15.5       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 410 | 1350      | 2                | 2:1        | <80        | $\Phi 410$       | 7x010x16         | 38.1        | 910         | 186               | 49.6           | 17.7       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 410 | 1600      | 1                | 2:1        | <80        | $\Phi 410$       | 8x010x16         | 22.8        | 1070        | 93                | 24.8           | 17.7       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 410 | 1600      | 1.5              | 2:1        | <80        | $\Phi 410$       | 8x010x16         | 36.5        | 1070        | 140               | 37.3           | 15.7       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 410 | 1600      | 1.6              | 2:1        | <80        | $\Phi 410$       | 8x010x16         | 36.5        | 1070        | 149               | 39.7           | 16.7       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 410 | 1600      | 1.75             | 2:1        | <80        | $\Phi 410$       | 8x010x16         | 39.8        | 1070        | 163               | 43.5           | 18.3       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 410 | 1600      | 2                | 2:1        | <80        | $\Phi 410$       | 8x010x16         | 45.5        | 1070        | 186               | 49.6           | 20.8       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 410 | 2000      | 1                | 2:1        | <80        | $\Phi 410$       | 9x010x16         | 28.4        | 1270        | 93                | 24.8           | 12.4       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 410 | 2000      | 1.5              | 2:1        | <80        | $\Phi 410$       | 9x010x16         | 44.1        | 1270        | 140               | 37.3           | 18.6       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 410 | 2000      | 1.6              | 2:1        | <80        | $\Phi 410$       | 9x010x16         | 44.1        | 1270        | 149               | 39.7           | 19.8       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 410 | 2000      | 1.75             | 2:1        | <80        | $\Phi 410$       | 9x010x16         | 47.3        | 1270        | 163               | 43.5           | 21.7       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 410 | 2000      | 2                | 2:1        | <80        | $\Phi 410$       | 9x010x16         | 54.4        | 1270        | 186               | 49.6           | 24.7       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 410 | 3000      | 0.5              | 4:1        | <40        | $\Phi 410$       | 8x010x16         | 20.0        | 941         | 93                | 24.8           | 9.2        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 410 | 3000      | 1                | 4:1        | <40        | $\Phi 410$       | 8x010x16         | 40.0        | 941         | 186               | 49.6           | 18.3       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 485 | 1350      | 1                | 2:1        | <80        | $\Phi 485$       | 7x010x16         | 19.3        | 1070        | 79                | 21.1           | 8.9        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 485 | 1350      | 1.5              | 2:1        | <80        | $\Phi 485$       | 7x010x16         | 29.5        | 1070        | 118               | 31.5           | 13.2       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 485 | 1350      | 1.6              | 2:1        | <80        | $\Phi 485$       | 7x010x16         | 29.5        | 1070        | 126               | 33.6           | 14.1       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 485 | 1350      | 1.75             | 2:1        | <80        | $\Phi 485$       | 7x010x16         | 32.2        | 1070        | 138               | 36.8           | 15.5       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 485 | 1350      | 2                | 2:1        | <80        | $\Phi 485$       | 7x010x16         | 37.0        | 1070        | 158               | 42.1           | 17.7       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 485 | 1350      | 2.5              | 2:1        | <80        | $\Phi 485$       | 7x010x16         | 45.8        | 1070        | 197               | 52.5           | 22.1       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 485 | 1600      | 1                | 2:1        | <80        | $\Phi 485$       | 8x010x16         | 22.8        | 1270        | 79                | 21.1           | 10.5       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 485 | 1600      | 1.5              | 2:1        | <80        | $\Phi 485$       | 8x010x16         | 35.6        | 1270        | 118               | 31.5           | 15.7       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 485 | 1600      | 1.6              | 2:1        | <80        | $\Phi 485$       | 8x010x16         | 35.6        | 1270        | 126               | 33.6           | 16.8       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 485 | 1600      | 1.75             | 2:1        | <80        | $\Phi 485$       | 8x010x16         | 38.7        | 1270        | 138               | 36.8           | 18.4       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 485 | 1600      | 2                | 2:1        | <80        | $\Phi 485$       | 8x010x16         | 44.5        | 1270        | 158               | 42.1           | 21.0       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 485 | 1600      | 2.5              | 2:1        | <80        | $\Phi 485$       | 8x010x16         | 55.7        | 1270        | 197               | 52.5           | 26.2       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 485 | 3000      | 0.5              | 4:1        | <40        | $\Phi 485$       | 8x010x16         | 20.5        | 1113        | 79                | 21.1           | 9.2        | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |
| FKE 485 | 3000      | 1                | 4:1        | <40        | $\Phi 485$       | 8x010x16         | 39.0        | 1113        | 158               | 42.1           | 18.4       | 32   | S5(40%) | F         | IP41    |

### REMARK

1. The machine can be configured with the remote manual brake release with 4 meters wire.
2. The recommended height is for reference only. Please contact our technical interface for confirmation when it exceeds the recommended height and the rating.

# FJT 40K

## Gearless Traction Machine

Made in Thailand 



| Series | Speed (m/s) | Capacity code  |
|--------|-------------|----------------|
| 40K    | 1.0 - 2.0   | 450kg - 1150kg |

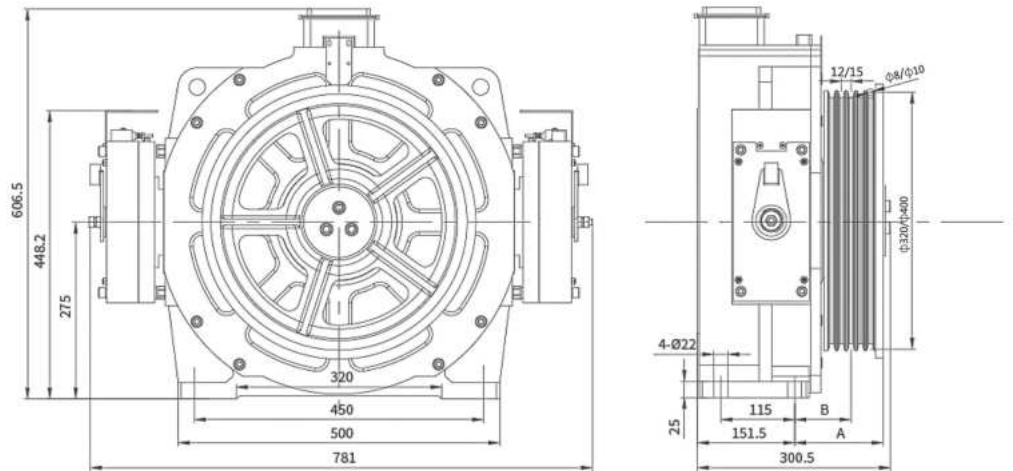
### Traction Machine Parameter

- Voltage: AC380V
- Roping: 2:1
- Wlv. Load: 450 - 1150kg
- Max. Static load: 3000kg
- Brake: DC110V, 2 x 1.5A
- Sheave Dia: 320mm/400mm
- Ins. Class: F

### Features

- Short axial length, suitable for machine roomless elevator application.
- High efficiency with high torque density design.
- Small size, simple structure with high utilization of materials.
- Machine low speed operation smooth, with low noise and small vibration.
- Use block armless brake with high reliability.

### Traction Machine Blueprint



| Model        | A     | B    | Groove |
|--------------|-------|------|--------|
| FJT40K -1150 | 152.5 | 95   | 6      |
| FJT40K -1000 | 137.5 | 87.5 | 5      |
| FJT40K -0800 | 137.5 | 87.5 | 5      |
| FJT40K -0630 | 122.5 | 80   | 4      |

### FJT40K - N450/11500 ELEVATOR TRACTION MACHINE

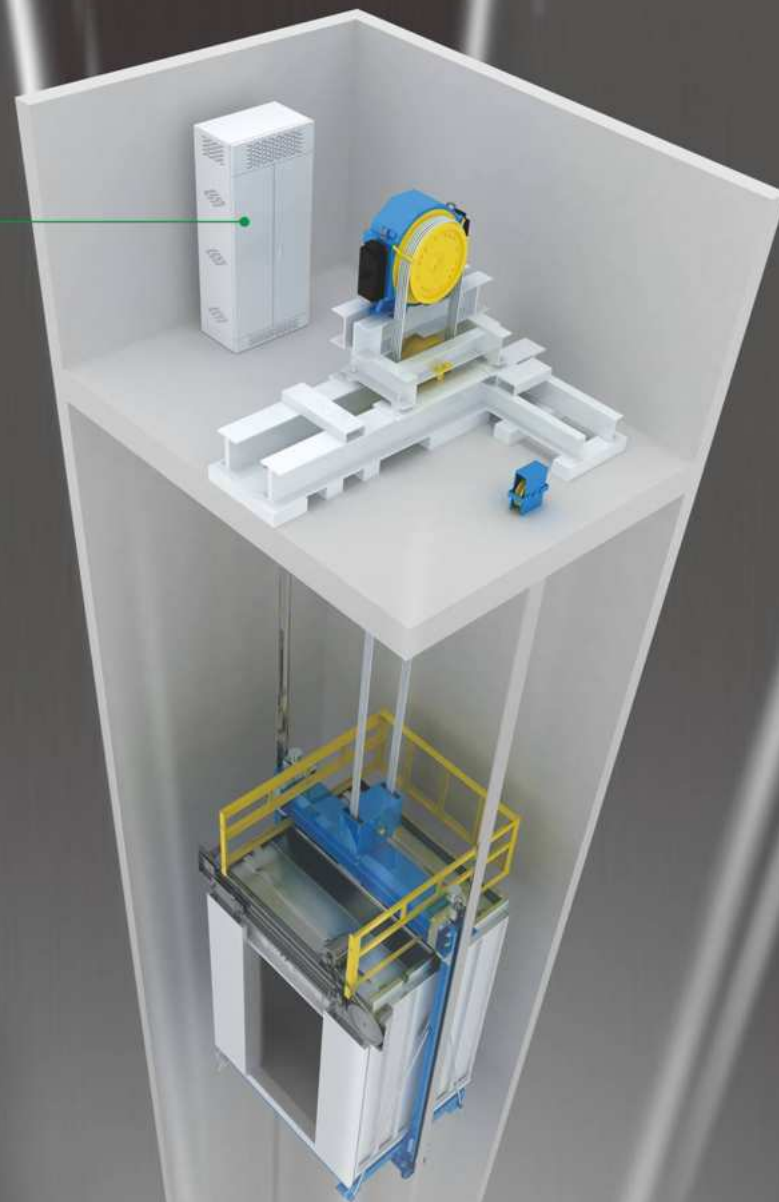
| Model           | Load (kg) | Speed (m/s) | Torque (Nm) | Sheave Dia. (mm) | Rope Dia. (mm) | Groove (pcs) | Distance Between Grooves | Power (kw) | Rated Voltage (V) | Current (A) | Frequency (Hz) | Rated Speed (rpm) | Pole Pairs |
|-----------------|-----------|-------------|-------------|------------------|----------------|--------------|--------------------------|------------|-------------------|-------------|----------------|-------------------|------------|
| FJT40K-0450-100 | 450       | 1.00        | 420         | 320              | 8              | 4            | 12                       | 4.2        | 380               | 10          | 25.3           | 95                | 16         |
| FJT40K-0450-150 |           | 1.50        |             |                  |                |              |                          | 6.3        |                   | 14          | 38.1           | 143               | 16         |
| FJT40K-0450-175 |           | 1.75        |             |                  |                |              |                          | 7.3        |                   | 16          | 44.5           | 167               | 16         |
| FJT40K-0630-100 | 630       | 1.00        | 420         |                  |                | 4            |                          | 4.2        |                   | 10          | 25.3           | 95                | 16         |
| FJT40K-0630-150 |           | 1.50        |             |                  |                |              |                          | 6.3        |                   | 14          | 38.1           | 143               | 16         |
| FJT40K-0630-175 |           | 1.75        |             |                  |                |              |                          | 7.3        |                   | 16          | 44.5           | 167               | 16         |
| FJT40K-0630-200 |           | 2.00        |             |                  |                |              |                          | 8.4        |                   | 20          | 50.9           | 191               | 16         |
| FJT40K-0800-100 | 800       | 1.00        | 530         |                  |                | 5            |                          | 5.3        |                   | 13          | 25.3           | 95                | 16         |
| FJT40K-0800-150 |           | 1.50        |             |                  |                |              |                          | 8.0        |                   | 18          | 38.1           | 143               | 16         |
| FJT40K-0800-175 |           | 1.75        |             |                  |                |              |                          | 9.3        |                   | 21          | 44.5           | 167               | 16         |
| FJT40K-0800-200 |           | 2.00        |             |                  |                |              |                          | 10.6       |                   | 25          | 50.9           | 191               | 16         |
| FJT40K-1000-100 | 1000      | 1.00        | 650         | 400              | 10             | 5            | 15                       | 6.5        |                   | 16          | 25.3           | 95                | 16         |
| FJT40K-1000-150 |           | 1.50        |             |                  |                |              |                          | 9.8        |                   | 23          | 38.1           | 143               | 16         |
| FJT40K-1000-175 |           | 1.75        |             |                  |                |              |                          | 11.4       |                   | 26          | 44.5           | 167               | 16         |
| FJT40K-1000-200 |           | 2.00        |             |                  |                |              |                          | 13.0       |                   | 31          | 50.9           | 191               | 16         |
| FJT40K-1150-100 | 1150      | 1.00        | 743         |                  |                | 6            |                          | 7.4        |                   | 18          | 25.3           | 95                | 16         |
| FJT40K-1150-150 |           | 1.50        |             |                  |                |              |                          | 11.1       |                   | 27          | 38.1           | 143               | 16         |
| FJT40K-1150-175 |           | 1.75        |             |                  |                |              |                          | 13.0       |                   | 31          | 44.5           | 167               | 16         |
| FJT40K-1150-200 |           | 2.00        |             |                  |                |              |                          | 14.9       |                   | 33          | 50.9           | 191               | 16         |



# Cotrol cabinet elevator

*Tủ điều khiển thang máy*

”Tủ điện thang máy có nhiệm vụ quản lý và kiểm soát các thành phần quan trọng của hệ thống thang máy để đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả và đáng tin cậy của thang máy.”

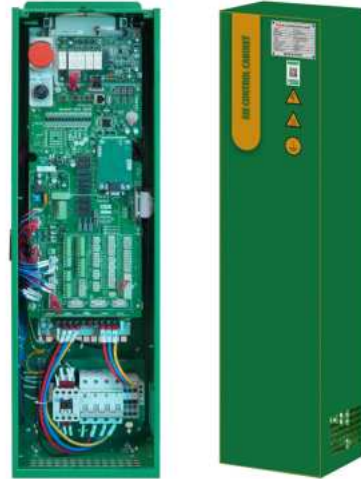


# FJE CONTROL CABINET

Made in Korea 🇰🇷

- Remote technical support through APP.
- Remote monitoring through the IoT.
- Communication encoder supported.
- Balance coefficient auto-tuning.
- Noise reduction design < 50dBA.

| Model | Voltage       | Power range                                       | Origin   | Option         |
|-------|---------------|---------------------------------------------------|----------|----------------|
| FJE-C | 4:3 Phase 380 | 008: 8.3kW<br>017: 17kW<br>022: 22kW<br>037: 37kW | K: KOREA | White<br>Green |



## Solution Highlights

|                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                |                                                                                                       |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Noise control for MRL</b><br><br><b>50dBa</b> No contact noise (STO VERSION)<br><br><b>10dBa</b> Brake noise control reduce 10db<br><br><b>12K</b> high frequency running Reduce motor running noise | <b>Excellent comfort</b><br><br>High-performance DSP Improve 150%<br><br>PI adaptive algorithm | <b>Small size &amp; low weight</b><br><br>MRL 230x190x760 16kg<br><br>Conductive to the layout of MRL |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|

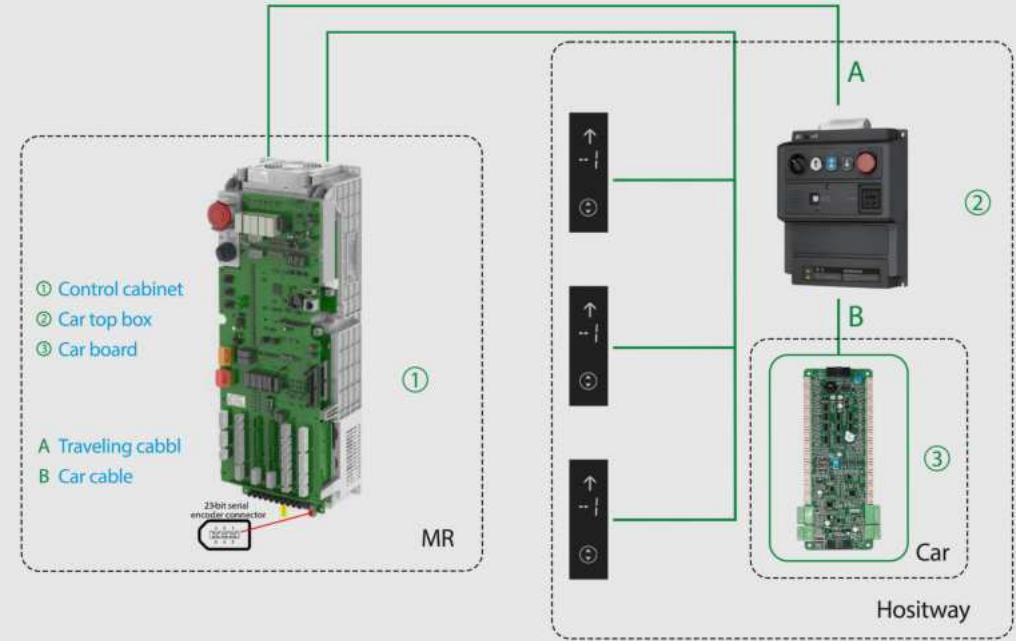
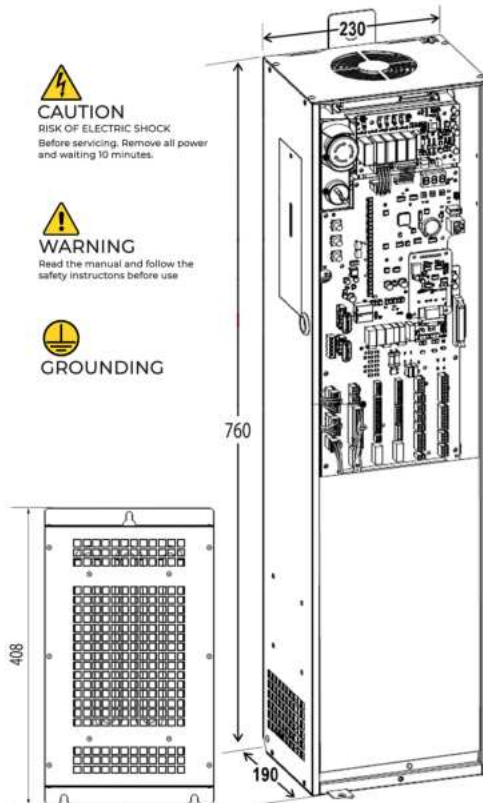
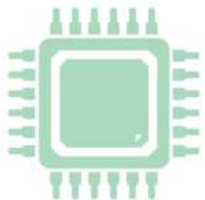
**CAUTION**  
RISK OF ELECTRIC SHOCK  
Before servicing, Remove all power and waiting 10 minutes.

**WARNING**  
Read the manual and follow the safety instructions before use

**GROUNDING**

## Solution Highlights

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                               |                                                                                                    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Parameters Setting Free</b><br><br>Motor tuning No need motor tuning in factory (work with communication encoder)<br><br>Function One-click debugging<br>Floor number learning automatically,<br>Door limit state learning automatically,<br>PI adaptive control,<br>Balance testing,<br>Dynamic holding brake force testing. | <b>Reduce fault rate</b><br><br>Cabinet Maintenance-free<br>> STO version maintenance-free<br>> PEERLESS solution UCMPC board long life cycle | <b>Specialist remote guidance</b><br><br>> Support APP remote guidance<br>> Reduce travel expenses |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|



|                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                               |                                                                                                                         |                                                                                                                                                       |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <br>Group control board<br>MCTC-GCB-A                                                                                                                                                                 | <br>Car top board (horizontal connector)<br>MCTC-CTB-HSS                                                                                                                                                           | <br>Car call board<br>MCTC-COB-B1S                                                                                                                                                                                     | <br>Car call board (I)<br>MCTC-CCB-F1S                                                        | <br>Connection cable<br>MCTC-CTW-A1-7m                                                                                  | <br>Arrival annunciator (synthesized voice)<br>MCTC-CH-B1                                                                                             |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>1 group of RS232</li> <li>1 group of RS485</li> <li>4 groups of CAN communication ports</li> </ul>                                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>8 digital inputs</li> <li>8 relay outputs</li> <li>1 analogue (0~10 V dc)</li> <li>1 RS485</li> <li>1 CANbus</li> <li>2 parallel interface expansion ports</li> </ul>       | <ul style="list-style-type: none"> <li>24 digital inputs</li> <li>20 digital outputs</li> </ul>                                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>8 digital inputs</li> <li>8 digital outputs</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>D59 (Male to Male) straight cable</li> </ul>                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>Bilingual voice</li> </ul>                                                                                     |
| 162 x 125 x 15                                                                                                                                                                                        | 162 x 125 x 15                                                                                                                                                                                                     | 96 x 229 x 11.4                                                                                                                                                                                                        | 81 x 105 x 11.4                                                                               | Length: 7 meters                                                                                                        | 114 x 89 x 39                                                                                                                                         |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>minimum wait time</li> <li>fuzzy logic control</li> <li>password protection</li> <li>group control home landing setting</li> <li>peak group service</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>double door single action operation</li> <li>double door simultaneous operation</li> <li>door nudging</li> <li>ventilation fan control</li> <li>lighting control</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>8 floor buttons</li> <li>8 functional signals e.g. OPEN/CLOSE, door hold, non-stop mode, attendant mode, reverse mode, independent mode, fireman mode, arrival chime</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>8 floor buttons</li> </ul>                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>Allows user to connect the MCTC-COB-B1S via MCTC-CTB-HSS MCTC-CCB-F1S</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Offers pre-set standard messages and allows bespoke passenger announcements via a voice synthesizer</li> </ul> |
| for coordination of 3-4 elevators                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                               |                                                                                                                         |                                                                                                                                                       |

|                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                    |                                                                                                       |                                                                                                                                        |                                                                                                                                       |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <br>LED remote keypad<br>MDKE6 (without memory)                                                                                                                    | <br>LED remote keypad<br>MDKE6 (with memory)                                                                                                                       | <br>Magnetic sensor (load cell)<br>MCTC-LDB-A (1306003)                                               | <br>MCTC-Wifi dongle (01270161)                                                                                                        | <br>Extension cable for remote keypad<br>MDCAB (01013008)                                                                             |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>5 digit high brightness LED display</li> <li>hot pluggable</li> <li>without memory</li> </ul>                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>5 digit high brightness LED display</li> <li>hot pluggable</li> <li>with memory for parameter upload/download</li> </ul>    | <ul style="list-style-type: none"> <li>detecting distance 15~30 mm</li> </ul>                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>5 V USB</li> </ul>                                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>RJ45 (male to male) straight cable</li> </ul>                                                  |
| 116 x 76 x 15                                                                                                                                                      | 116 x 76 x 15                                                                                                                                                      | Φ24 x 87 mm (length: 1 meter)                                                                         | 60 x 18 x 10                                                                                                                           | Length: 3 meters                                                                                                                      |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Allows rapid commissioning and maintenance via step through sequence (e.g. speed, current, DC-bus voltage, etc.)</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Allows rapid commissioning and maintenance via step through sequence (e.g. speed, current, DC-bus voltage, etc.)</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>supply voltage 20~27 V dc</li> <li>output 0~10 V dc</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Allows rapid commissioning and maintenance via step through sequence smartphone Apps</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Allows user to connect LED/LCD hot pluggable remote keypad via NICE3000+ main board</li> </ul> |

# STEP

## AS380 CONTROL CABINET

Made in Thailand 

- Integrated inverter and control system.
- Ability to add or remove floor easily.
- The cabinet run stably and is safe for users.
- Use 32-bit CAN bus communication system to transmit control signals.



| Type       | Dimensions (mm) | Installation Mode   |
|------------|-----------------|---------------------|
| 5.5 -15 kw | 1120X580X300    | Wall-mounting/Floor |
| 18.5-22 kw | 1120X580X300    | Floor standing      |
| 30 - 37 kw | 1320X510X275    | Floor standing      |

## Advantages of Inovance Solution

Redundant safety design , double safety protection for control processor and drive processor to achieve the maximum safety guarantee for elevator travel.

The design requirements of anti-interference capacity go beyond the highest standard in the industrial design requirement.

All CAN bus communication make the whole system connected easily, data transmitted strongly, and more reliable.

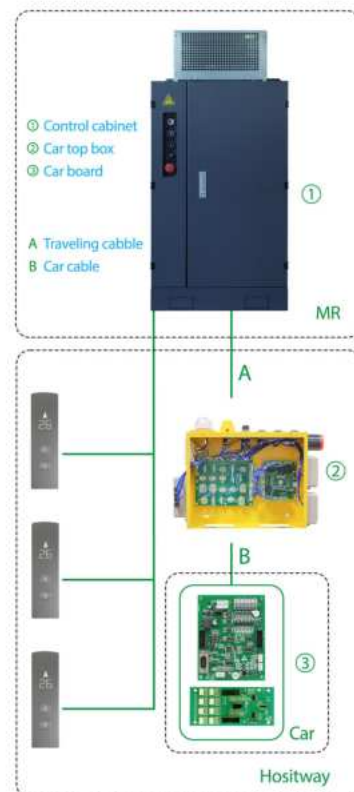
The adoption of the advanced direct landing technology make elevator running more efficiently.

The advanced multifunctional elevator operation mode can fully meet various needs of customers.

New PWM dead band compensation technology can effectively reduce the motor noise and loss of machine.

The adoption of the advanced direct landing technology make elevator running more efficiently.

|                     |            |                             |             |            |
|---------------------|------------|-----------------------------|-------------|------------|
| Rate power          | 2.2KW-15KW | 18.5KW - 22KW               | 30KW - 37KW | 5.5KW-22KW |
| Rate speed          | < 2.5m/s   | < 4m/s                      |             | < 2.5m/s   |
| Inverter            |            |                             |             |            |
| Power supply        |            |                             |             |            |
| Motor brake voltage |            | DC110V                      |             |            |
| Machine room        |            | Machine room type           |             |            |
| Motor type          |            | Synchronous or asynchronous |             |            |
| Cabinet material    |            | Galvanized box              |             |            |
| Package             |            | Wooden box                  |             |            |
| Installation        |            | Ground mounted              |             |            |



# STEP

## AS380 NON NOISE

Made in Thailand 

- Integrated inverter and control system.
- Ability to add or remove floor easily.
- The cabinet run stably and is safe for users.
- Use 32-bit CAN bus communication system to transmit control signals.
- Noise reduction design < 55dBA.



| Type       | Dimensions (mm) | Installation Mode   |
|------------|-----------------|---------------------|
| 5.5 -15 kw | 1120X580X300    | Wall-mounting/Floor |
| 18.5-22 kw | 1120X580X300    | Floor standing      |
| 30 - 37 kw | 1320X510X275    | Floor standing      |

## Advantages of Inovance Solution

Redundant safety design , double safety protection for control processor and drive processor to achieve the maximum safety guarantee for elevator travel.

The design requirements of anti-interference capacity go beyond the highest standard in the industrial design requirement.

All CAN bus communication make the whole system connected easily, data transmitted strongly, and more reliable.

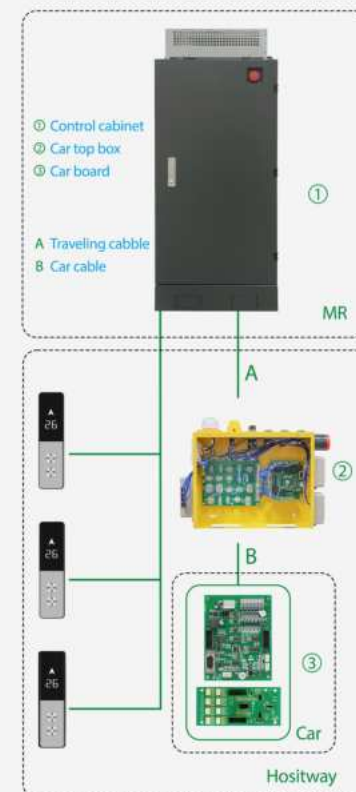
The adoption of the advanced direct landing technology make elevator running more efficiently.

The advanced multifunctional elevator operation mode can fully meet various needs of customers.

New PWM dead band compensation technology can effectively reduce the motor noise and loss of machine.

The adoption of the advanced direct landing technology make elevator running more efficiently.

|                     |            |                             |             |            |
|---------------------|------------|-----------------------------|-------------|------------|
| Rate power          | 2.2KW-15KW | 18.5KW - 22KW               | 30KW - 37KW | 5.5KW-22KW |
| Rate speed          | < 2.5m/s   | < 4m/s                      |             | < 2.5m/s   |
| Inverter            |            |                             |             |            |
| Power supply        |            |                             |             |            |
| Motor brake voltage |            | DC110V                      |             |            |
| Machine room        |            | Machine room type           |             |            |
| Motor type          |            | Synchronous or asynchronous |             |            |
| Cabinet material    |            | Galvanized box              |             |            |
| Package             |            | Wooden box                  |             |            |
| Installation        |            | Ground mounted              |             |            |



# FJT - V1

## FJT CONTROL CABINET

Made in Thailand 

- Smooth ride Performance.
- Wide input Voltage operation.
- Programmable I/O's.
- 3 Level password protection.
- Dedicated on board 110VAC/DC safety feedback.
- Noise reduction design < 55dBA.

| Type         | Dimensions (mm) | Installation Mode   |
|--------------|-----------------|---------------------|
| 5.5 - 15 kW  | 1120X560X240    | Wall-mounting/Floor |
| 18.5 - 22 kW | 1120X560X240    | Floor standing      |
| 30 - 37 kW   | 1320X510X275    | Floor standing      |



## Advantages of Inovance Solution

### Leading

The control cabinet complies with the standard that requires UCMP and provides the door lock short circuit detection and door bypass functions. It meets the EMC requirements specified in GB7588.1.

### Streamlined

30% less traveling cable cores are required.  
60% less cores are required between the car top box and a car.

### Safe

All power circuits of the control cabinet are protected by RCDs. The car operating panel contains no heavy current control circuit, so as to prevent electric shocks.

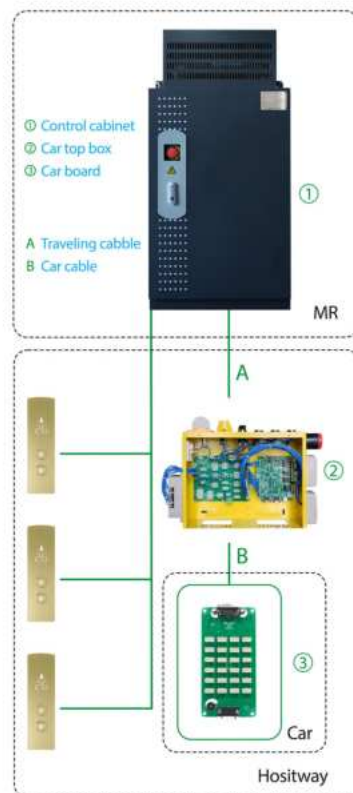
### Easy to Install

The DSG display board allows automatic/semi-automatic floor address setting, which helps significantly reduce the installation and commissioning time. (One hour can be saved for every 30 floors.)

### Multifunctional 1

All functions to be used in a car are available, including car display, IC card management, intercom, voice announcement, light and fan control, and floor control.

| Model FJT-V1                | 5.5                                      | 7.5  | 11 | 15 | 18.5 | 22   |
|-----------------------------|------------------------------------------|------|----|----|------|------|
| Max Motor Power [kW]        | 5.5                                      | 7.5  | 11 | 15 | 18.5 | 22   |
| Rated Output Capacity [kVA] | 8.9                                      | 11   | 17 | 21 | 24   | 30   |
| Rated Output Current [A]    | 13                                       | 18   | 27 | 33 | 39   | 48   |
| Max Output Voltage [V]      | 3P/380V-440V                             |      |    |    |      |      |
| Rated Frequency [Hz]        | 0-120Hz                                  |      |    |    |      |      |
| Rated Voltage [V]           | 3P/380V-440V                             |      |    |    |      |      |
| Rated Frequency [Hz]        | 50/60Hz                                  |      |    |    |      |      |
| Rated Input Current [A]     | 14.8                                     | 20.5 | 29 | 36 | 41   | 49.5 |
| Allowable Fluctuation       | Voltage $\pm 15\%$ ; Frequency $\pm 5\%$ |      |    |    |      |      |



# FJT - V2

## FJT CONTROL CABINET

Made in Thailand 

- Smooth ride Performance.
- Wide input Voltage operation.
- Programmable I/O's.
- 3 Level password protection.
- Dedicated on board 110VAC/DC safety feedback.

| Type         | Dimensions (mm) | Installation Mode   |
|--------------|-----------------|---------------------|
| 5.5 - 15 kW  | 1120X560X240    | Wall-mounting/Floor |
| 18.5 - 22 kW | 1120X560X240    | Floor standing      |
| 30 - 37 kW   | 1320X510X275    | Floor standing      |



## Advantages of Inovance Solution

### Leading

The control cabinet complies with the standard that requires UCMP and provides the door lock short circuit detection and door bypass functions. It meets the EMC requirements specified in GB7588.1.

### Streamlined

30% less traveling cable cores are required.  
60% less cores are required between the car top box and a car.

### Safe

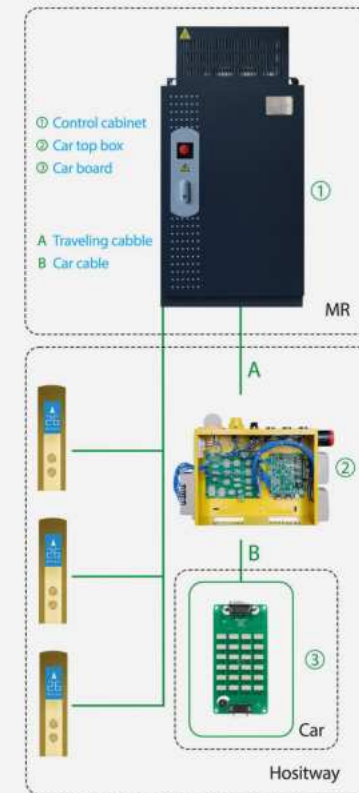
All power circuits of the control cabinet are protected by RCDs. The car operating panel contains no heavy current control circuit, so as to prevent electric shocks.

### Easy to Install

The DSG display board allows automatic/semi-automatic floor address setting, which helps significantly reduce the installation and commissioning time. (One hour can be saved for every 30 floors.)

### Multifunctional 1

All functions to be used in a car are available, including car display, IC card management, intercom, voice announcement, light and fan control, and floor control.



# KJP - G7

## KJP CONTROL CABINET

Made in JAPAN 

- **Power Supply:** Three-phase, 200V~440V
- **Frequency:** 50 / 60Hz
- **Stop Floor:** 48 stops (floors)
- **Speed:** 15~600m/min
- **Purpose:** Passenger / Passenger & Freight / Freight
- **Communication protocol:** CANbus, RS485 serial communication
- **Encoder:** Incremental.SIN / COS / Endat.Inovance (Communication)
- **Traction Machine:** Worm . Gearless
- **Group-operation:** 8cars

| Type        | Dimensions (mm) | Installation Mode   |
|-------------|-----------------|---------------------|
| 5.5- 18.5kW | 990X440X230     | Wall-mounting/Floor |



## ORIGINAL SPEC

### Functional aspect

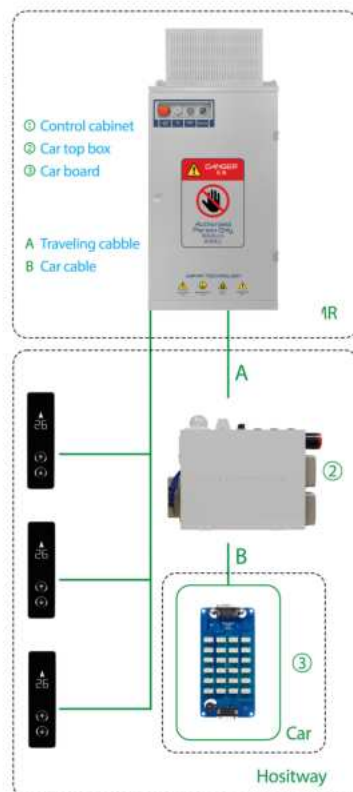
- The priority of manual switches (car top > inside car > pit > control panel) follows the specifications of domestic elevator manufacturers.
- Switch box of operation board, and PI remote control are in accordance with the specifications of domestic elevator manufacturers.
- All the individual control operations comply with elevator technical standards and JEAS regulations.
- Functions for alerting earthquake, fire, power outage, and flooding, and for self-diagnosis, and single-automatic-operation.
- The display inside cabin & lobby(partially) supports English.
- The auto-announcement function supports English.

### Hardware aspect

- Safety-related signals will continue to be implemented through hardware (wires, relays) as before. Utilize products which are made by domestic maker (such as Fuji, etc.) or any other global maker (such as Schneider)
- The selection of product capacity is based on the standards of domestic elevator manufacturers.

### Others

- Maintenance & adjustment of the control panel are available via a tablet APP
- Applicable to remote inspection system



Với sự đầu tư nghiêm túc và dài hạn, VITECH sở hữu kho vận thông minh linh hoạt có quy mô trên 1500m<sup>2</sup> được xây dựng theo tiêu chuẩn chất lượng cao, vận hành thông minh. Toàn bộ quá trình nhập kho, kiểm tra dữ liệu, xếp hàng, đóng gói và phân phối được thực hiện chuyên nghiệp, đảm bảo tính chính xác của đơn hàng.

# FUJI ARD



- **Intelligent and efficient:** 24-hour online automatic monitoring elevator, convenient use.
- **Safe and reliable:** The elevator has stable and reliable performance without changing the safety factor, the installation and wiring are simple and the debugging is convenient
- **Fast response speed:** When the power failure, the device quickly and automatically start the rescue.
- **Automatic charging:** No need artificially charge the battery, improve the service life of the battery.
- **Flexibile setting of operation time:** Meet the on-site emergency rescue time of long floor (blind floor).
- **Using 32-bit microprocessor chip control:** All kinds of signals are run by software control equipment, with high accuracy. Output three-phase power supply: suitable for all brands of elevators.



## Product introduction

The FUJI-ARD emergency rescue device is a device specially designed to provide emergency and safe rescue for passengers trapped when there is a power power outage in the elevator. When the elevator is running normally, the equipment is in a detection standby state. When a power supply system failure occurs during the normal operation of the elevator, the equipment will automatically put into rescue work. The original coltrol system of the elevator will be used to slowly run the elevator car to the leveling position and stop, open the car door and the hall door enables trapped persons to leave the elevator quickly and safely.

## FUJI ARD Parameter

|                 |                         |                                            |
|-----------------|-------------------------|--------------------------------------------|
| Mains input     | Voltage                 | Three phaes AC380V ± 15%                   |
|                 | Frequency               | 50Hz/60Hz                                  |
| Inverter output | Inverted output voltage | Two phaes AC380V ± 10%                     |
|                 | Efficiency              | ≥ 0.85                                     |
|                 | Output frequency        | 50Hz/60Hz(Rated value 50Hz)                |
|                 | Waveform                | Sine wave                                  |
| Bettery         | Type                    | Valve-contr oiled sealed lead-acid battery |
|                 | Rescue time             | 3-15Min(adjustable)                        |
|                 | Charging time           | ≥ 6 Hours                                  |
| Environment     | Ambient temperature     | 0 °C-45 °C                                 |
|                 | Relative humidity       | <90% ( No dew)                             |
|                 | Noise                   | ≤ 45dB                                     |
|                 | Altitude                | ≤ 2000M                                    |

| Model               | FJ-ARD      |             |             |             |             |             |             |             |
|---------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| Inverterr power     | 3.7KW       | 5.5KW       | 7.5KW       | 11KW        | 15KW        | 18.5KW      | 22KW        | 30KW        |
| Specifications      | 12V/7AH     | 12V/9AH     | 12V/7AH     | 12V/9AH     | 12V/7AH     | 12V/9AH     | 12V/9AH     | 12V/12AH    |
| Number              | 2           | 2           | 3           | 3           | 4           | 4           | 4           | 4           |
| Weight(kg)          | 16          | 17          | 20          | 21          | 22          | 25          | 26          | 35          |
| Dimension L*W*H(mm) | 392*303*110 | 392*303*110 | 402*305*160 | 402*305*160 | 402*305*160 | 402*305*160 | 402*305*160 | 468*400*160 |

## MCTC-ARD-C Series New Elevator Emergency Automatic Rescue Device User Guide



### Document Introduction

Thank you for purchasing the MCTC-ARD-C series elevator emergency automatic rescue device.

Before using the product, read this guide carefully to have a better understanding of the product features and to use the product more safely. This guide describes the product specifications, mounting dimensions, terminals, commissioning, and troubleshooting.

### Product Fratures

- Two devices of the same power in parallel connection and use for applications with higher power demands
- Redundancy protection and reliable performance
- Digital and communication control modes available
- Operating panel for information and fault code display and parameter setting
- Automatic rescue function shielded through the panel inspection button
- Fault classification for quick fault location;
- Customer batteries supported with reverse connection indicator for easy replacement and maintenance
- Modular design for flexible function expandability



### Product introduction

The device is a backup power unit that continuously monitors the elevator mains supply. During an event of a power failure or phase loss, it automatically enters the emergency rescue state and supplies power to the elevator. While ensuring safe operation, it drives the car for the light-load operation to the nearest floor at the emergency rescue speed of 0.1 m/s to 0.2 m/s and then the door opens to ensure any onboard passengers' safety.

## Product Information

| MCTC - ARD - C - XPX - XXX - N                                   |   |   |                                                                             |   |
|------------------------------------------------------------------|---|---|-----------------------------------------------------------------------------|---|
| ①                                                                | ② | ③ | ④                                                                           | ⑤ |
| ① <b>Product series</b><br>Optional part                         |   |   | ④ <b>Contactur current</b><br>18 A<br>32 A<br>50 A<br>65 A<br>80 A          |   |
| ② <b>Optional part type</b><br>Emergency automatic rescue device |   |   | ⑤ <b>Battery configuration</b><br>Empty: with battery<br>N: without battery |   |
| ③ <b>Power rating</b><br>0P8: 0.8 kW<br>1P6: 1.6 kW              |   |   |                                                                             |   |

Table 1-1 Model selection guidance

| Size   | Model              | Passenger elevator                                                                                                  | Freight elevator                | Recommend ed battery                                |
|--------|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------------|
| Size 1 | MCTC-ARD-C-0P8-18A | 3PH, 380 VAC, 7.5 kW, light-load                                                                                    | -                               | 12 V, 5.5 Ah (three batteries in series connection) |
|        | MCTC-ARD-C-0P8-32A | 3PH, 380 VAC, 11 kW, light-load                                                                                     | -                               | 12 V, 7 Ah (three batteries in series connection)   |
|        | MCTC-ARD-C-0P8-50A | 3PH, 380 VAC, 18 kW, light-load                                                                                     | -                               | 12 V, 10 Ah (three batteries in series connection)  |
| Size 2 | MCTC-ARD-C-1P6-32A | 1PH, 220 VAC, 5.5 kW, light/heavy-load<br>3PH, 220 VAC, 5.5 kW, light/heavy-load<br>3PH, 380 VAC, 11 kW, heavy-load | 3PH, 380 VAC, 11 kW, light-load | 12 V, 10 Ah (three batteries in series connection)  |
|        | MCTC-ARD-C-1P6-65A | 3PH, 380 VAC, 22 kW, light/heavy-load                                                                               | 3PH, 380 VAC, 22 kW, light-load | 12 V, 12 Ah (three batteries in series connection)  |
|        | MCTC-ARD-C-1P6-80A | 3PH, 380 VAC, 30 kW, light/heavy-load                                                                               | 3PH, 380 VAC, 30 kW, light-load | 12 V, 12 Ah (three batteries in series connection)  |



# Door operator and device

*Bộ truyền động cửa cabin và cửa tầng*

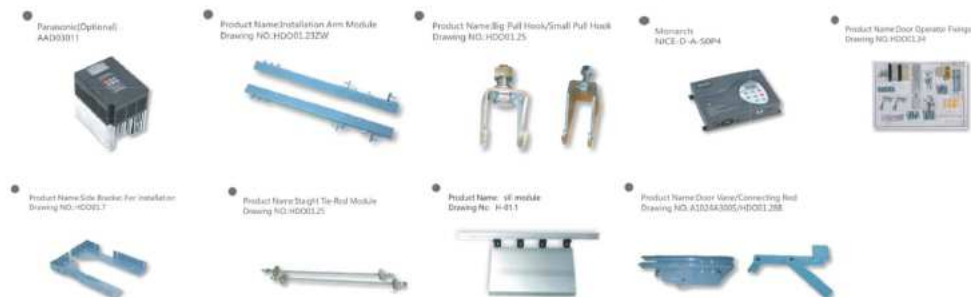
“Các hệ thống truyền động của VITECH có nhiều cải tiến, áp dụng các công nghệ mới giúp tiết kiệm năng lượng, gia tăng sự an toàn, ổn định, giảm thiểu chi phí bảo dưỡng.”

## ► MODEL: HDO - 01V

• **Product Name:** 2 Panels Center Opening Door Operator (VVVF)



| JJ  | 600  | 650  | 700  | 750  | 800  | 850  | 900  | 950  | 1000 | 1050 | 1100 | 1150 | 1200 |
|-----|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| A1L | 1260 | 1360 | 1460 | 1560 | 1660 | 1760 | 1860 | 1960 | 2060 | 2160 | 2260 | 2320 | 2420 |



## ► MODEL: HLD - 01T

• **Product Name:** 2 Panels Center Opening Door Device (Traditional Type)



| JJ  | 600  | 650  | 700  | 750  | 800  | 850  | 900  | 950  | 1000 | 1050 | 1100 | 1150 | 1200 | 1250 | 1300 |
|-----|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| A1L | 1240 | 1340 | 1440 | 1540 | 1640 | 1740 | 1840 | 1940 | 2040 | 2140 | 2240 | 2340 | 2440 | 2540 | 2640 |

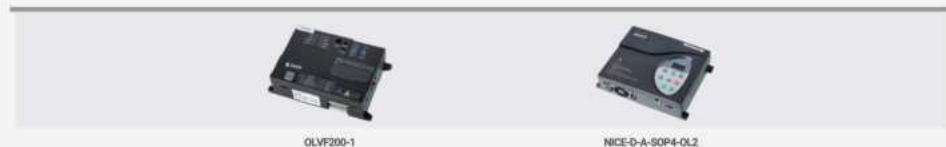
## ► MODEL: OMJ - 100B

• **Product Name:** Leafs Center Opening Permanent Magnet Synchronous Door Operator



| JJ  | 600      | 650      | 700      | 750       | 800       | 850       | 900       | 950       | 1000      | 1050      | 1100      | 1150      | 1200      |
|-----|----------|----------|----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| A1L | 1180     | 1280     | 1380     | 1480      | 1580      | 1680      | 1780      | 1880      | 1980      | 2080      | 2180      | 2280      | 2380      |
| A3L | 175      | 200      | 225      | 250       | 275       | 300       | 325       | 350       | 375       | 400       | 425       | 450       | 475       |
| B2L | 890/1020 | 940/1070 | 990/1120 | 1040/1170 | 1090/1220 | 1140/1270 | 1190/1320 | 1240/1370 | 1290/1420 | 1340/1470 | 1390/1520 | 1440/1570 | 1490/1620 |

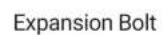
**Inverter(Optional):**



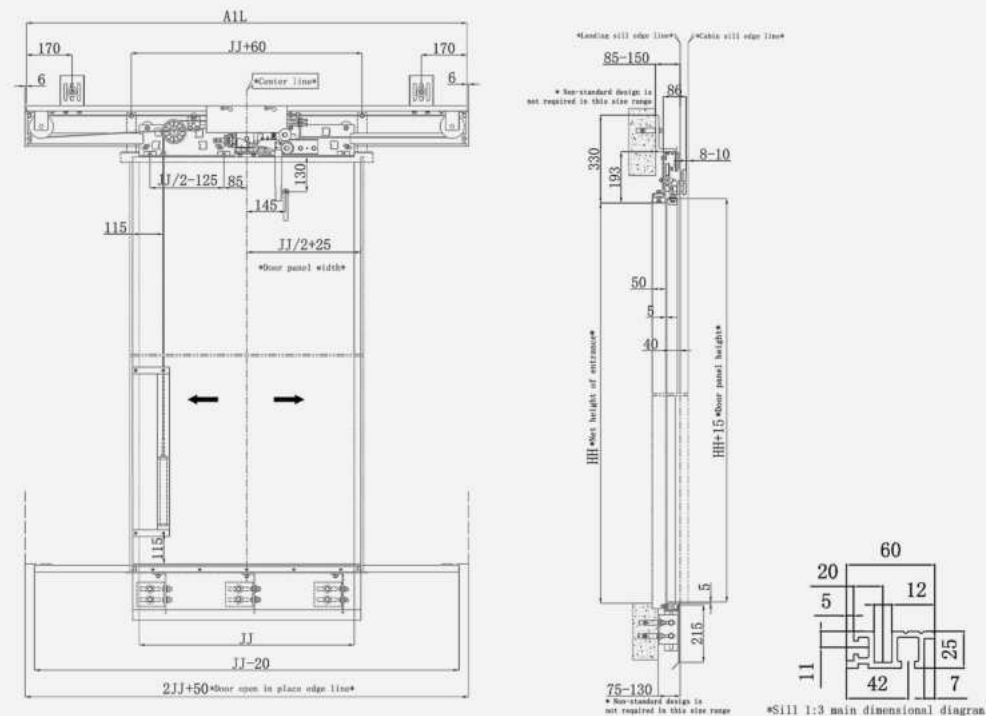
**Installation Attachment:**



Product Name: 2 Panels Center Opening Landing Door Device



Product Name: 2 Panels Center Opening Landing Door Device

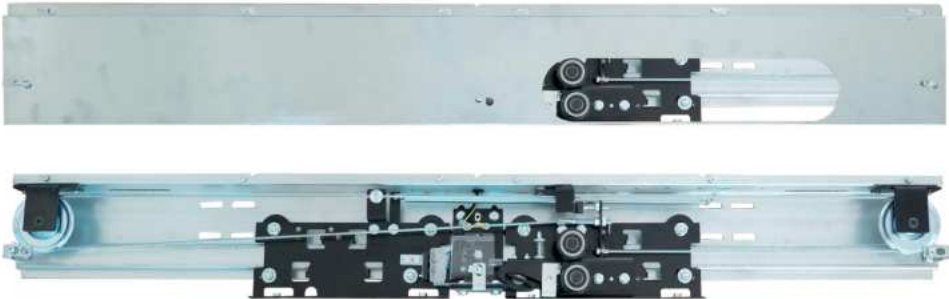


- **Technical Parameters**

|     |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
|-----|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| JJ  | 600  | 650  | 700  | 750  | 800  | 850  | 900  | 950  | 1000 | 1050 | 1100 | 1150 | 1200 |
| A1L | 1240 | 1340 | 1440 | 1540 | 1640 | 1740 | 1840 | 1940 | 2040 | 2140 | 2240 | 2340 | 2440 |

# MODEL NUMBER: HLD-01K

Product Name: 2 Panels Center Opening Landing Door Device



## ● Accessories



Installation Bracket

Fixings

Weight Module



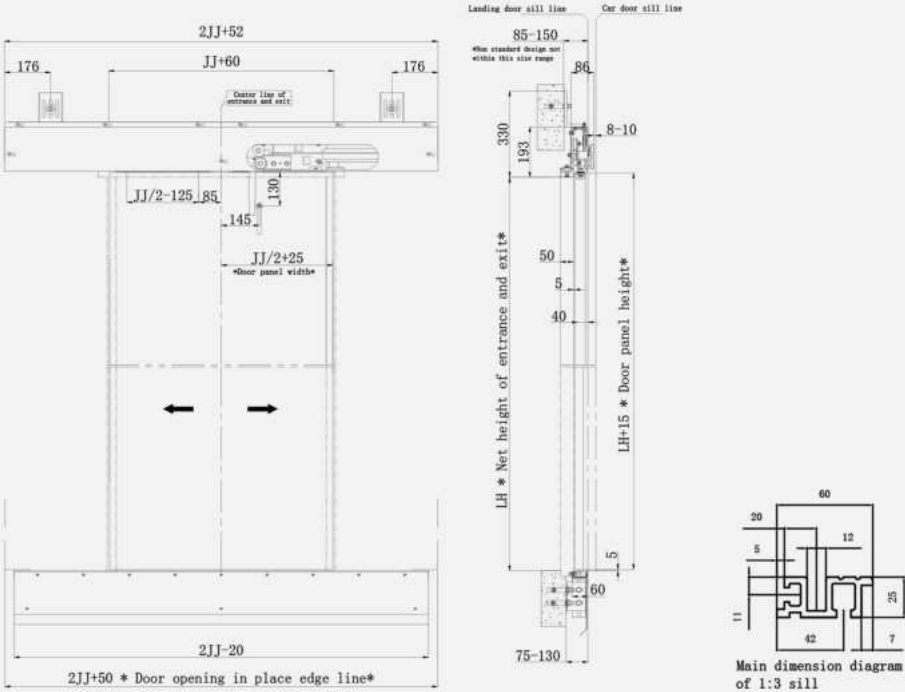
Landing Apron

Expansion Bolt

Sill

# MODEL NUMBER: HLD-01K

Product Name: 2 Panels Center Opening Landing Door Device



## Spring return

|     |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
|-----|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| JJ  | 600  | 650  | 700  | 750  | 800  | 850  | 900  | 950  | 1000 | 1050 | 1100 | 1150 | 1200 |
| A1L | 1252 | 1352 | 1452 | 1552 | 1652 | 1752 | 1852 | 1952 | 2052 | 2152 | 2252 | 2352 | 2452 |



► **MODEL: HGO 240**

• **Product Name:** HGO 240 Governor Non - Return

## Technical: Specifications

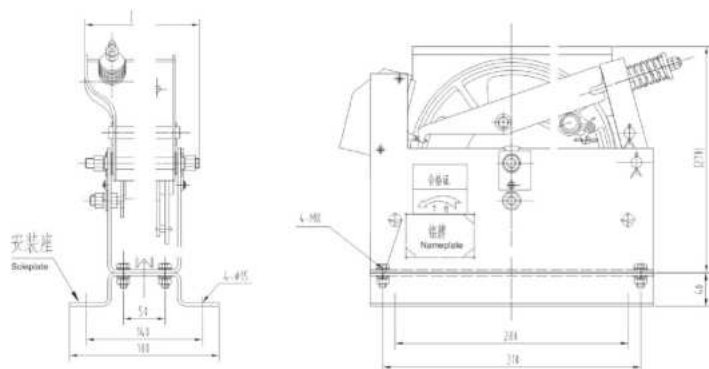
Rated capacity: 630 - 1000kg

Rated speed:  $V = 0.25 \sim 2.5 \text{ m/s}$

Rope Dia:  $\phi 8\text{mm}$

Sheavediameter:  $\varnothing 240\text{mm}$

Rope tension Force: 500 ~ 1500N



• **Description:**

This Governor For Configuration Of Gearless Traction Machine  
This Governor Is Adapted To HTD240, HTD260 Tensioning Device



### • Technical Parameters

|   |            |                    |         |   |
|---|------------|--------------------|---------|---|
| 1 | HGO 240.20 | Wire Rope Fittings |         | 1 |
| 2 |            | Wire Rope Fittings |         | 2 |
| 3 |            | Retainer Clip      | Φ8      | 6 |
| 4 | GB/T5783   | Hexagon Bolt       | M8      | 4 |
| 5 |            | Expansion Bolt     | M12x100 | 4 |



► **PRODUCT NAME: HTD260/260A**

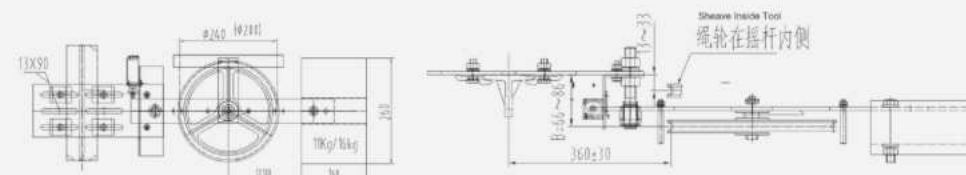
• **Product Name:** HGO 240 Governor Non - Return

- **Description:**

A Heavy Block 11kg Suitable For Lifting Beight Of Lift  $\leq 60\text{m}$

A Heavy Block 16kg Suitable For Lifting Beight Of Lift > 60m

**This Tension Device For The Weights Of The Side - Mounted And B Siez Adjustable**



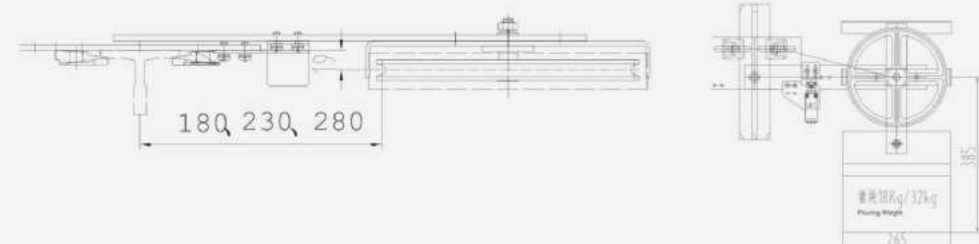
► **PRODUCT NAME:** HTD240

- **Description:**

A Heavy Block 11kg Suitable For Lifting Beight Of Lift  $\leq 60m$

A Heavy Block 16kg Suitable For Lifting Beight Of Lift > 60m

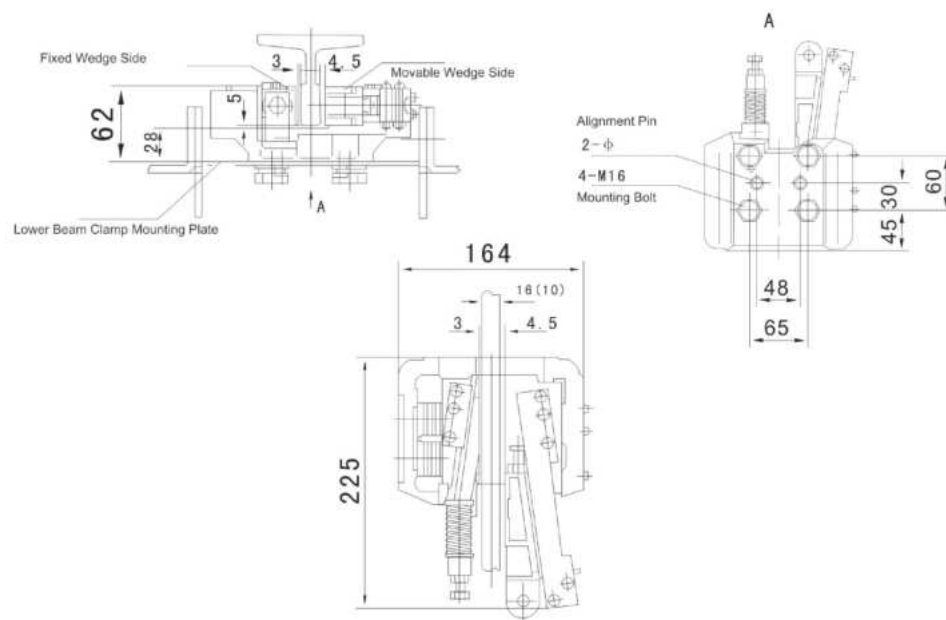
## This Tension Device For The Heavy Piece Of Straight Type



## ► PRODUCT NAME: HSG - 800

### • Technical Specifications:

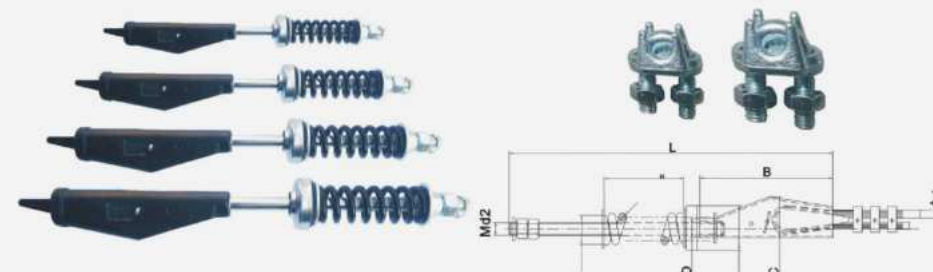
Rated Speed:  $V = 0.25 \sim 2.5\text{m/s}$   
 (P + Q) Allowable gross mass (P + Q): 1200 ~ 4000kg  
 Width Guide Rails: 10, 16mm



### • List Of Attachments

|   | Part name               | Size  | Quantity |
|---|-------------------------|-------|----------|
| 1 | Safety                  |       | 1        |
| 2 | Tappet                  |       | 1        |
| 3 | Torsional Spring        |       | 1        |
| 4 | Elastic Cylindrical Pin | 12x40 | 4        |
| 5 | Pin Roll                |       | 2        |
| 6 | Switch To Play Pole     |       | 1        |
| 7 | Adjusting Shim          |       | 2        |
| 8 | Cotter Pin              | 3x20  | 4        |
| 9 | Gasket                  |       | 2        |

## ► MODEL: QSD



| Model number | Specification Of Wire Rope | Length | Length Of Taper Bushes | Width Of Taper Bushes | Installation | Screw nut |
|--------------|----------------------------|--------|------------------------|-----------------------|--------------|-----------|
| HRF8         | Ø 8                        | 375    | 160                    | 48                    | Ø 26         | M14       |
| HRF9         | Ø 9.3                      | 395    | 180                    | 54                    | Ø 26         | M14       |
| HRF10        | Ø 10                       | 490    | 180                    | 54                    | Ø 26         | M16       |
| HRF11        | Ø 11                       | 490    | 180                    | 54                    | Ø 26         | M16       |
| HRF12        | Ø 12                       | 510    | 200                    | 60                    | Ø 26         | M16       |
| HRF13        | Ø 13                       | 580    | 218                    | 62                    | Ø 30         | M18       |
| HRF16        | Ø 16                       | 620    | 190                    | 76                    | Ø22          | M20       |

## ► GUIDE SHOE

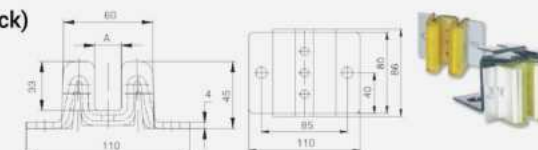
### • Product Name: Guide Shoe (Hollow Track)

Serial NO: HSG09191

Technical Parameters

Rated Speed  $\leq 2.0\text{m/s}$

Guide Rail Width 10, 16mm



### • Product Name: Guide Shoe (Hollow Track)

Serial NO: HSG09192

Technical Parameters

Rated Speed  $\leq 2.0\text{m/s}$

Guide Rail Width 10, 16mm



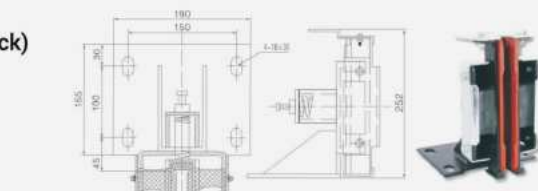
### • Product Name: Guide Shoe (Hollow Track)

Serial NO: HSG09193

Technical Parameters

Rated Speed  $\leq 2.0\text{m/s}$

Guide Rail Width 10, 16mm



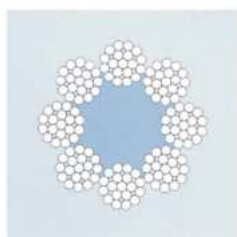
## STEEL WIRE ROPE SERIES



### ► FJ STEEL WIRE ROPE

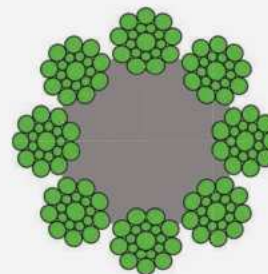


#### • FJ - 8X19S - Hemp Core



| Rope Diameter | Minimum Breaking Force | Unit Weight | Metal Sectional Area |
|---------------|------------------------|-------------|----------------------|
| 8*            | 31.6                   | 22.2        | 23                   |
| 9             | 40                     | 28.1        | 29.6                 |
| 10*           | 49.4                   | 34.7        | 36.5                 |
| 11*           | 59.7                   | 42          | 44.2                 |
| 12            | 71.1                   | 50          | 52.6                 |
| 13*           | 83.4                   | 58.6        | 61.7                 |
| 16*           | 126                    | 88.8        | 93.5                 |

#### F 819 S-FC DT



#### Technical Data F 819 S-FC DT

##### Technical specification:

DIN EN 12385, ISO 4344, BS 302 Part 4, GB8903

- Material:
- GW-Steel wire, bright
  - Tensile grade of internal wires: 1770 N/mm<sup>2</sup>
  - Tensile grade of external wires: 1370 N/mm<sup>2</sup>
  - Liftquality and DIN EN 10264, ISO 4101

##### Rope diameter:

permissible tolerance on the nominal rope diameter

- see page 10

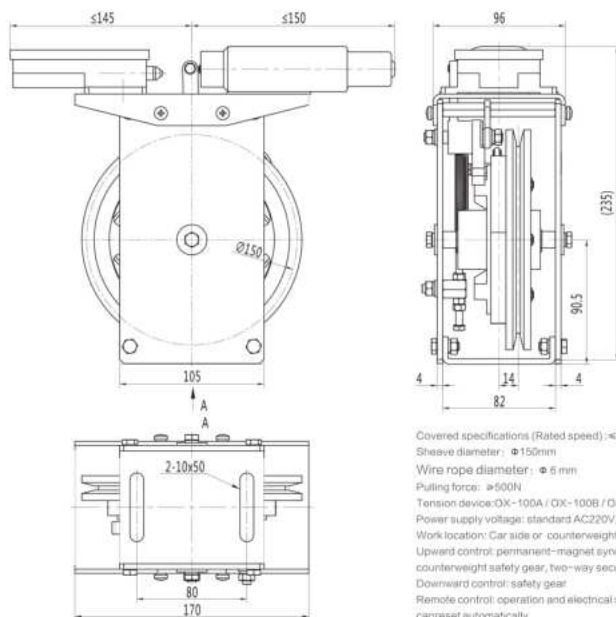
| Nominal rope diameter<br>(mm) | Calculated mass<br>[kg/m] | Minimum breaking load<br>[kN] | Part-no. Artikel- |
|-------------------------------|---------------------------|-------------------------------|-------------------|
| 8                             | 0,220                     | 30,5                          | 621108011         |
| 9                             | 0,280                     | 38,4                          | 621109011         |
| 10                            | 0,350                     | 48,2                          | 621110011         |
| 11                            | 0,430                     | 58,4                          | 621111011         |
| 12                            | 0,500                     | 69,2                          | 621112011         |
| 13                            | 0,590                     | 80,7                          | 621113011         |
| 14                            | 0,680                     | 93,0                          | 621114011         |
| 15                            | 0,780                     | 108,0                         | 621115011         |
| 16                            | 0,890                     | 121,0                         | 621116011         |
| 18                            | 1,110                     | 154,0                         | 621118011         |
| 19                            | 1,260                     | 171,0                         | 621119012         |

Construction:  
8x19S - NFC 1370/1770 U sZ

Tensile grade 1180/1770 N/mm<sup>2</sup> and rope-Ø in imperial size (e.g. 1/2" = 12,7 mm) see our brochure „North American Elevator Wire Rope Catalog“.

OX-186A Governor Villa

EAC



1. The speed signal switch is connected to the safety circuit, switch coil switch for reset Settings, connect power signal;
2. The electromagnet for test set, connect power signal.

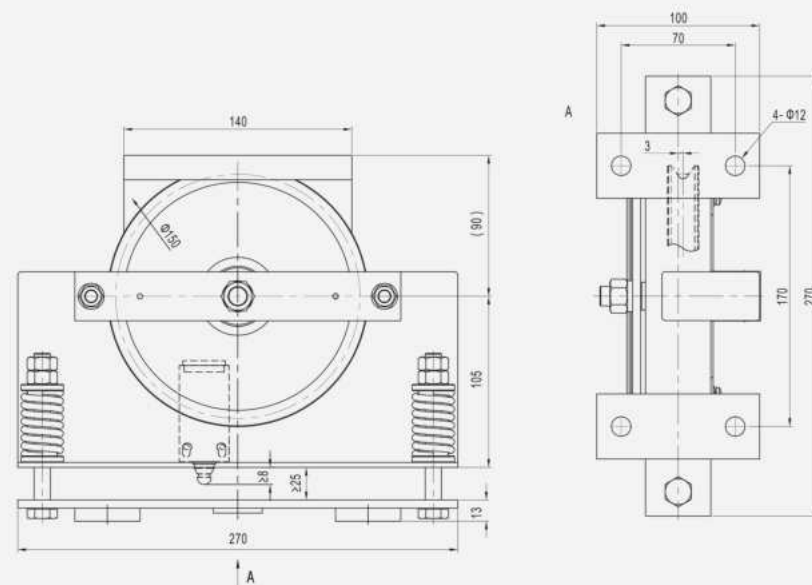
Covered specifications (Rated speed)  $>0.4$  m/s  
 Sheave diameter:  $\phi 150$  mm  
 Wire rope diameter:  $\phi 6$  mm  
 Pulling force:  $\geq 500$  N  
 Tension device: OX-100A / OX-100B / OX-100C  
 Power supply voltage: standard AC220V, optional DC24V;  
 Work location: Car side or counterweight side  
 Upward control: permanent-magnet synchronous traction machine brake, counterweight safety gear, two-way security clamp  
 Downward control: safety gear  
 Remote control: operation and electrical switch reset can be tested electrically; mechanical mechanism can reset automatically

OX-100B Tension Device



Sheave diameter:  $\phi 150$  mm  
 Wire rope diameter:  $\phi 6$  mm  
 Tension parameter: 250N~300N  
 Installation location: elevator ground pit (keep away from moisture)

Adjust according to actual needs when installed, ensure the spring force meet the requirement of speed governor tension.



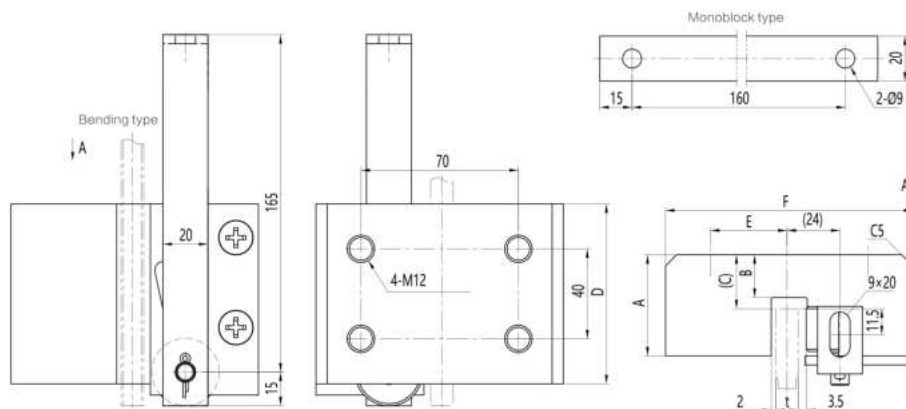
OX-088 Instantaneous Safety Gear



Rated speed:  $\leq 0.63\text{m/s}$   
 Total permit system quality:  $\leq 1250\text{kg}$  (10)/ $1478\text{kg}$  (16)  
 Matching guide rail: 10mm, 16mm (guiding face width)  
 Structure form: sing moving wedge, single roller  
 Pulling form: single pulling (M8)  
 Please note this product is a set for both left and right side.  
 Accessories state as photos.

| MODEL | A    | B  | C  | D  | E  | F   |
|-------|------|----|----|----|----|-----|
| A01   | 45   | 19 | 24 | 80 | 35 | 110 |
| A02   | 40.5 | 15 | 20 | 70 | 21 | 100 |
| A03   | 50   | 20 | 24 | 80 | 35 | 120 |

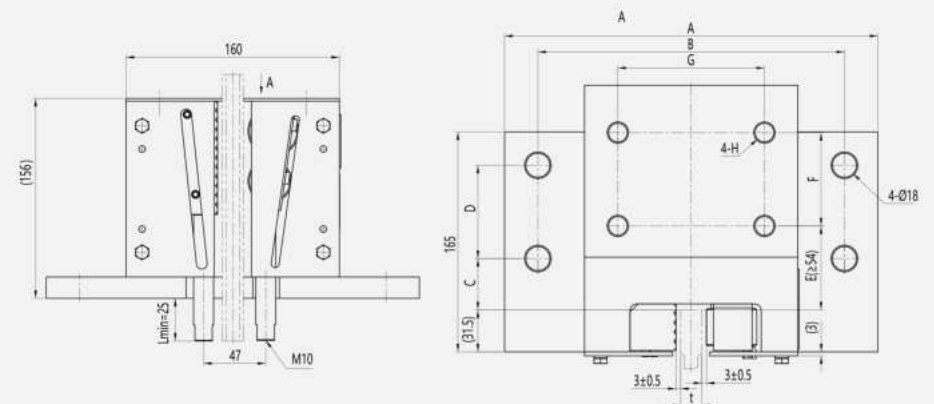
Note: the safety clamp can be made of straight plate and bending type.



OX-288 Instantaneous Safety Gear



Rated speed:  $\leq 0.63\text{m/s}$   
 Total permit system quality:  $\leq 8500\text{kg}$   
 Matching guide rail: 15.88mm, 16mm (guideway width)  
 Structure form: sing moving wedge, double roller  
 Pulling form: double pulling (M10/M8)



| SPECIFICATIONS AND MODELS | VERTICAL BEAM CHANNEL STEEL | A   | B   | C    | D  | E  | F  | G   | H   |
|---------------------------|-----------------------------|-----|-----|------|----|----|----|-----|-----|
| OX-288(A01)               | 14#                         | 260 | 210 | 38.5 | 70 | 63 | 70 | 110 | M16 |
| OX-288(A02)               | 16#                         | 280 | 230 |      |    |    |    |     |     |
| OX-288(A03)               | 18#                         | 300 | 260 |      |    |    |    |     |     |

# GUIDE SHOE



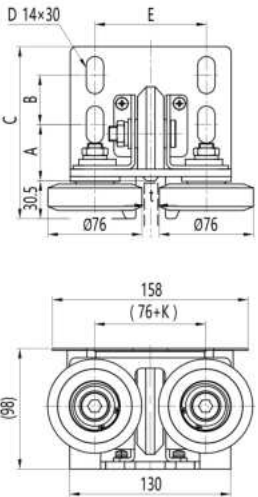
MADE IN CHINA

OX – GL76A Guide Shoe



speed of application:  $\leq 1.75\text{m/s}$   
rated load:  $\leq 1250\text{kg}$   
Matching guide rail: 10, 16mm

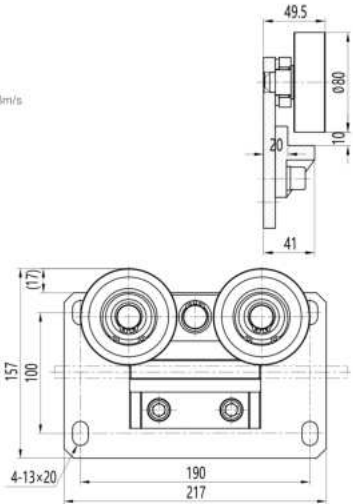
| G            | A    | B  | C   | D | E   | K  |
|--------------|------|----|-----|---|-----|----|
| OX-GL76A 001 | 45.5 | 40 | 130 | 4 | 10  | 10 |
| OX-GL76A 002 | 45.5 | 40 | 130 | 4 | 90  | 16 |
| OX-GL76A 003 | 57.5 | 0  | 100 | 2 | 10  | 10 |
| OX-GL76A 004 | 57.5 | 0  | 100 | 2 | 16  | 16 |
| OX-GL76A 005 | 57.5 | 0  | 100 | 2 | 10  | 10 |
| OX-GL76A 006 | 57.5 | 0  | 100 | 2 | 100 | 16 |



OX – 019 Guide Shoe



speed of application:  $\leq 0.63\text{m/s}$   
rated load:  $\leq 630\text{kg}$   
Matching guide rail: 10mm

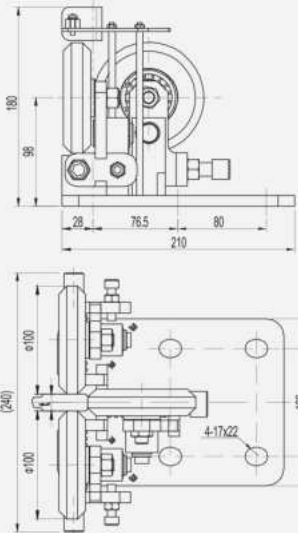


# GUIDE SHOE



MADE IN CHINA

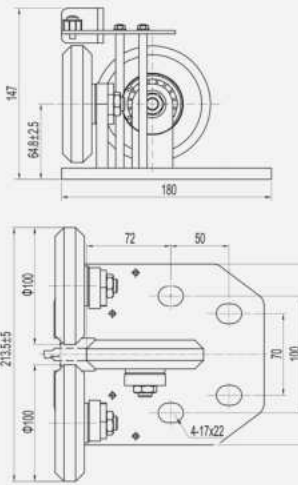
OX-GL100A Guide Shoe



Speed of application:  $\leq 2.5\text{m/s}$   
Rated load:  $\leq 1250\text{kg}$   
Matching lead rail: 10, 16mm  
Installation position: Carriage Side



OX-GL100B Guide Shoe



Speed of application:  $\leq 2.5\text{m/s}$   
Rated load:  $\leq 1250\text{kg}$   
Matching lead rail: 10, 16mm  
Installation position: Opposite side

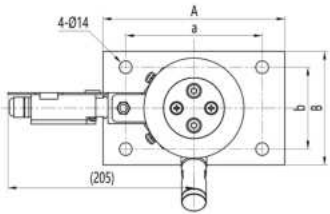
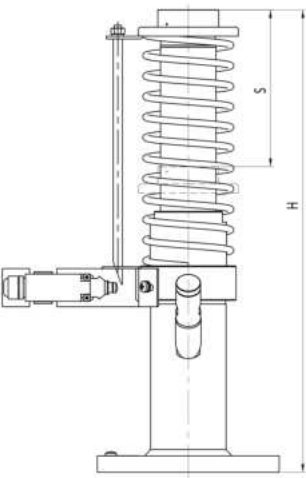


# HYDRAULIC BUFFER



Hydraulic Buffer

| TYPE   | Size(mm) | H(mm) | BxL(mm)   | bxa(mm)  |
|--------|----------|-------|-----------|----------|
| OH-80  | 80       | 315   | 125 × 200 | 90 × 150 |
| OH-175 | 175      | 510   | 125 × 200 | 90 × 150 |
| OH-210 | 210      | 610   | 125 × 200 | 90 × 150 |



EAC CE

CE



OH-80



OH-175



OH-210

# HYDRAULIC BUFFER

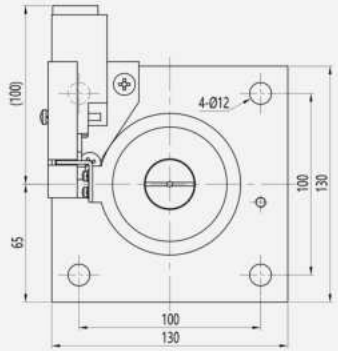
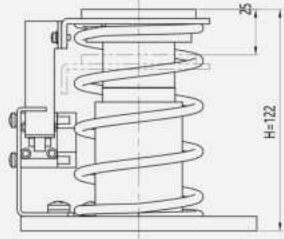


Hydraulic Buffer

Total allowed quality: 500-1200kg.  
Oil specification: HL46 hydraulic oil  
Product type: energy consuming



OH-025



| TYPE   | h (mm) | BxL (mm) | bxa (mm) |
|--------|--------|----------|----------|
| OH-J11 | 60     | 130x130  | 95x95    |
| OH-J21 | 150    | 160x160  | 125x125  |

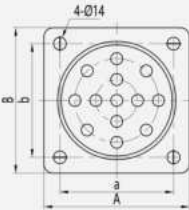
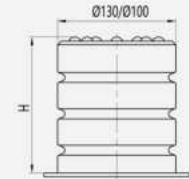
System quality: for detailed parameters, see summary table  
Product type: Energy storing type



OH-J11



OH-J21



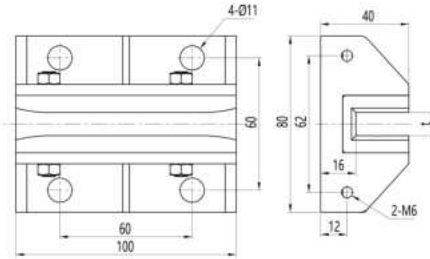
# GUIDE SHOE



OX – 310H Guide Shoe



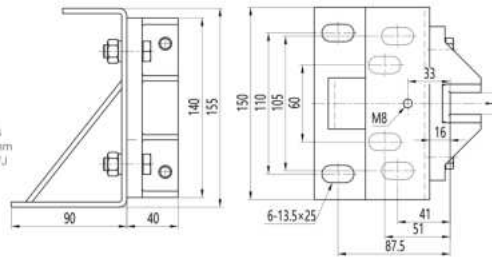
Speed of application:  $\leq 1.75\text{m/s}$   
 Rated load:  $\leq 830\text{kg}$   
 Matching guide rail: 5, 10, 16mm  
 Matching shoe lining: OX-450H



OX – 310G Guide Shoe



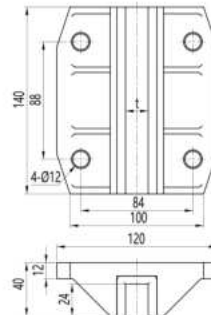
speed of application:  $\leq 1.75\text{m/s}$   
 Matching guide rail: 10, 16.4mm  
 Matching shoe lining: OX-450I/J



OX – 310GW Guide Shoe



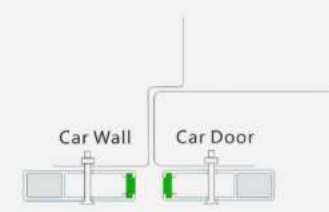
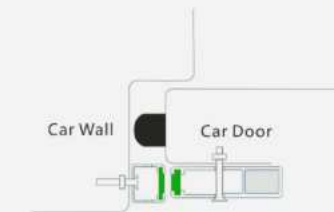
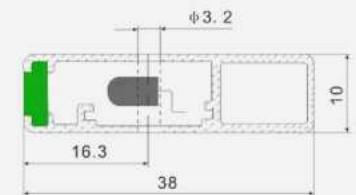
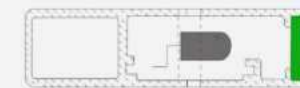
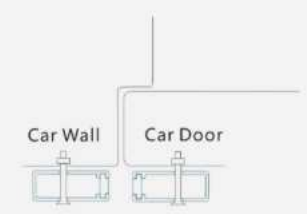
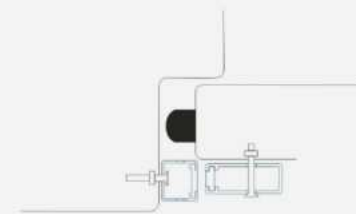
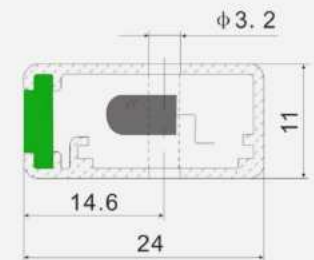
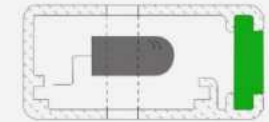
speed of application:  $\leq 1.75\text{m/s}$   
 Matching guide rail: 10, 16.4mm  
 Matching shoe lining: OX-450I/J



# PHOTOCELL WECO A61/B71/A71



## ► MODEL: WECO



## ►ELEVATOR GUIDE RAIL



### • Technical Parameters

| Type       | ISO      | b1   | h1    | h    | k       | n    | c    | g     | f     | rs  | m1       | m2       | t1   | t2   | l    | d  | d1 | b3   | t2    | t3   |
|------------|----------|------|-------|------|---------|------|------|-------|-------|-----|----------|----------|------|------|------|----|----|------|-------|------|
|            | Code     | mm   | mm    | mm   | mm      | mm   | mm   | mm    | mm    | mm  | mm       | mm       | mm   | mm   | mm   | mm | mm | mm   | mm    | mm   |
| Tolerances |          | ±1.5 | ±0.75 | ±0.1 | ±0.1/-0 | ±3/0 |      | ±0.75 | ±0.75 |     | ±0.06/-0 | ±0/-0.06 | ±0.1 | ±0.1 | ±3/0 |    |    | ±0.2 | ±0.2  | ±0.2 |
| RP70       | T70-1/B  | 70   | 65    | 64   | 9       | 34   | 6    | 6     | 8     | 1.5 | 3        | 2.95     | 3.5  | 3    | 128  | 13 | 26 | 42   | 105   | 25   |
| RP75       | T75-3/B  | 75   | 62    | 61   | 10      | 30   | 8    | 7     | 9     | 3   | 3        | 2.95     | 3.5  | 3    | 123  | 13 | 26 | 43   | 90    | 30   |
| RP78       |          | 78   | 56    | 55   | 10      | 26   | 7    | 6     | 8.5   | 3   | 3        | 2.95     | 3.5  | 3    | 123  | 13 | 26 | 43   | 90    | 30   |
| RP82       | T82/B    | 82.5 | 68.3  | 66.6 | 9       | 25.4 | 7.5  | 6     | 8.25  | 3   | 3        | 2.95     | 3.5  | 3    | 111  | 13 | 26 | 50.8 | 81    | 27   |
| RP89       | T89/B    | 89   | 62    | 61   | 15.88   | 33.4 | 10   | 7.9   | 11.1  | 3   | 6.4      | 6.37     | 7.14 | 6.35 | 156  | 13 | 26 | 57.2 | 114.3 | 38.1 |
| RP89-1     | T89-1/B  | 89   | 62    | 61   | 15.88   | 33.4 | 10   | 7     | 10    | 3   | 3        | 2.95     | 4    | 3.5  | 156  | 13 | 26 | 57.2 | 114.3 | 38.1 |
| RP90       | T90/B    | 90   | 75    | 74   | 16      | 42   | 10   | 8     | 10    | 4   | 6.4      | 6.37     | 7.14 | 6.35 | 156  | 17 | 26 | 57.2 | 114.3 | 38.1 |
| RP114      |          | 114  | 88.9  | 88   | 15.88   | 38   | 9.5  | 7.9   | 11.1  | 4   | 6.4      | 6.37     | 7.14 | 6.35 | 156  | 17 | 33 | 79.4 | 114.3 | 38.1 |
| RP125      | T125/B   | 125  | 82    | 81   | 16      | 42   | 10   | 9     | 12    | 4   | 6.4      | 6.37     | 7.14 | 6.35 | 156  | 17 | 33 | 79.4 | 114.3 | 38.1 |
| RP127-1    | T127-1/B | 127  | 88    | 88   | 15.88   | 44.5 | 10   | 7.9   | 11.1  | 4   | 6.4      | 6.37     | 7.14 | 6.35 | 156  | 17 | 33 | 79.4 | 114.3 | 38.1 |
| RP127-2    | T127-2/B | 127  | 88.9  | 88   | 15.88   | 50.8 | 10   | 12.7  | 15.9  | 5   | 6.4      | 6.37     | 7.14 | 6.35 | 156  | 17 | 33 | 79.4 | 114.3 | 31.8 |
| RP140-1    | T140-1/B | 140  | 108   | 107  | 19      | 50.8 | 12.7 | 12.7  | 15.9  | 5   | 6.4      | 6.37     | 7.14 | 6.35 | 193  | 21 | 40 | 92.1 | 152.4 | 31.8 |
| RP140-2    | T140-2/B | 140  | 102   | 101  | 28.6    | 50.8 | 17.5 | 14.5  | 17.5  | 5   | 6.4      | 6.37     | 7.14 | 6.35 | 193  | 21 | 40 | 92.1 | 152.4 | 31.8 |
| RP140-3    | T140-3/B | 140  | 127   | 126  | 31.75   | 57.2 | 19   | 17.5  | 25.4  | 5   | 6.4      | 6.37     | 7.14 | 6.35 | 193  | 21 | 40 | 92.1 | 152.4 | 31.8 |

### • Guide Rail Technical Parameters

|          |                      |                    |              |        |     |
|----------|----------------------|--------------------|--------------|--------|-----|
| Tk3      | Hollow Guide Rail    | 75mm*55mm*10mm     | 220*72*40mm  | M8*25  | 5K  |
| TK3A     | Hollow Guide Rail    | 78mm*60mm*16.4mm   | 200*78*50mm  | M10*35 | 5K  |
| Tk5      | Hollow Guide Rail    | 87mm*60mm*16.4mm   | 400*88*59mm  | M12*35 | 5K  |
| TK5A     | Hollow Guide Rail    | 78mm*60mm*16.4mm   | 200*78*50mm  | M8*25  | 5K  |
| T45/A    | Cold Draw Guide Rail | 45mm*45mm*5mm      | 160*50*8mm   | M8*25  | T1  |
| T50/A    | Cold Draw Guide Rail | 50mm*50mm*16.4mm   | 200*50*8mm   | M12*35 | T1  |
| T70/A    | Machined Guide Rail  | 70mm*65mm*9mm      | 250*70*10mm  | M12*35 | T2  |
| T70-1/A  | Machined Guide Rail  | 70mm*65mm*9mm      | 250*70*10mm  | M12*35 | 8K  |
| T75-3B   | Machined Guide Rail  | 75mm*62mm*10mm     | 240*75*10mm  | M12*35 | 8K  |
| T78/B    | Machined Guide Rail  | 78mm*56mm*10mm     | 240*75*10mm  | M12*35 | 8K  |
| T82/B    | Machined Guide Rail  | 82.5mm*68.25mm*9mm | 216*80*10mm  | M12*35 | 13K |
| T82-3/B  | Machined Guide Rail  | 82mm*62mm*16mm     | 216*80*10mm  | M12*35 | 13K |
| T89-1/B  | Machined Guide Rail  | 89mm*62mm*16mm     | 305*90*13mm  | M12*35 | 13K |
| T89/B    | Machined Guide Rail  | 89mm*62mm*16mm     | 305*90*13mm  | M12*35 | 13K |
| T90/B    | Machined Guide Rail  | 90mm*75mm*16mm     | 305*90*13mm  | M12*35 | 13K |
| T114/B   | Machined Guide Rail  | 114mm*89mm*16mm    | 305*130*17mm | M16*45 | 18K |
| T127-1/B | Machined Guide Rail  | 127mm*89mm*16mm    | 305*130*17mm | M16*46 | 24K |
| T127-2/B | Machined Guide Rail  | 127mm*89mm*16mm    | 305*130*17mm | M16*47 | 24K |
| T140-1/B | Machined Guide Rail  | 140mm*108mm*19mm   | 380*140*25mm | M20*65 | 30K |

### • Fish Plate Technical Parameters

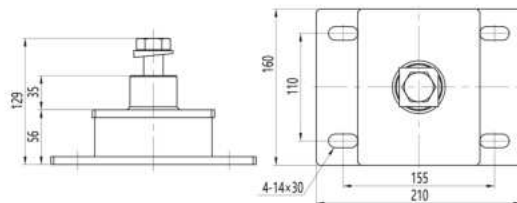
| Type        | D  | D1 | B2   | B3   | L1   | L2    | L3   | H    | Wxx             | Wxx             | Weight | Bolt   |
|-------------|----|----|------|------|------|-------|------|------|-----------------|-----------------|--------|--------|
|             | mm | mm | mm   | mm   | mm   | mm    | mm   | mm   | cm <sup>4</sup> | cm <sup>4</sup> | kg/pcs | size   |
| Tolerances  |    |    | ±1.5 | ±0.2 | ±1.5 | ±0.2  | ±0.2 | ±0.1 |                 |                 |        |        |
| RP75        | 13 | 26 | 75   | 43   | 240  | 90    | 30   | 61   | 9.29            | 7.06            | 2.1    | M12X35 |
| RP78        | 13 | 26 | 78   | 43   | 240  | 90    | 30   | 55   | 7.56            | 6.71            | 1.8    | M12X36 |
| RP82        | 13 | 26 | 82.5 | 50.8 | 216  | 81    | 27   | 66.6 | 10.2            | 7.4             | 1.36   | M12X37 |
| RP89        | 13 | 26 | 89   | 57.2 | 305  | 114.3 | 38.1 | 61   | 14.25           | 11.8            | 3.8    | M12X38 |
| RP90        | 13 | 26 | 90   | 57.2 | 305  | 114.3 | 38.1 | 74   | 20.85           | 11.8            | 4.1    | M12X39 |
| RP114       | 17 | 33 | 114  | 79.4 | 305  | 114.3 | 38.1 | 88   | 29.7            | 19.1            | 5      | M16X45 |
| RP125       | 17 | 33 | 125  | 79.4 | 305  | 114.3 | 38.1 | 81   | 26.2            | 25.4            | 5.5    | M16X45 |
| RP127-1     | 17 | 33 | 127  | 79.4 | 305  | 114.3 | 38.1 | 88   | 30.4            | 23.4            | 5.4    | M16X45 |
| RP127-2     | 17 | 33 | 127  | 79.4 | 305  | 114.3 | 38.1 | 88   | 30.9            | 36.2            | 6.9    | M16X45 |
| RP127-2 c14 | 17 | 33 | 127  | 79.4 | 305  | 114.3 | 38.1 | 88   | 31.06           | 36.25           | 7      | M16X45 |
| RP140-1     | 21 | 40 | 140  | 92.1 | 308  | 152.4 | 31.8 | 107  | 53.4            | 44.3            | 10.5   | M20X65 |
| RP140-2     | 21 | 40 | 140  | 92.1 | 308  | 152.4 | 31.8 | 101  | 68              | 51.2            | 12.9   | M20X65 |
| RP140-3     | 21 | 40 | 140  | 92.1 | 308  | 152.4 | 31.8 | 126  | 114.6           | 69.4            | 17.5   | M20X65 |

# OTHER ELEVATOR PARTS

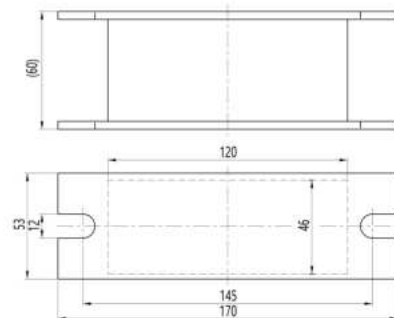


MADE IN CHINA

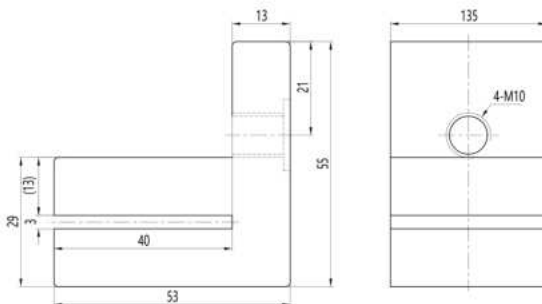
OX – 320A Shock Pad



OX – 320B Shock Pad



OX – 320C Partial Prevention Device

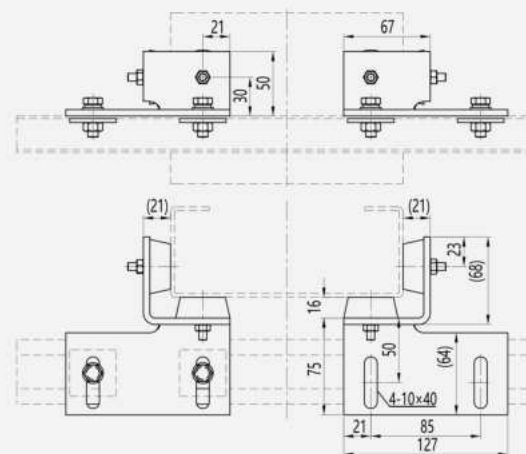


# OTHER ELEVATOR PARTS

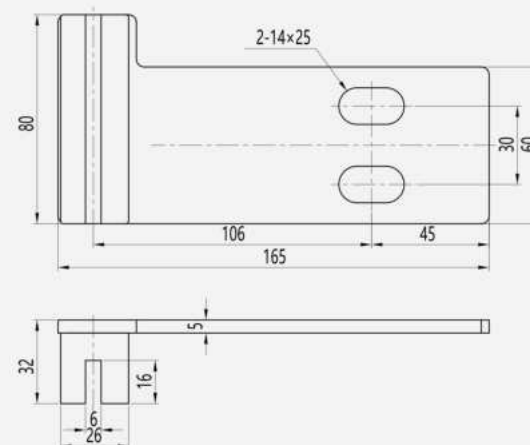


MADE IN CHINA

OX – 320E Chuck Of Car Top



OX – 320F Partial Prevention Device



## **▲ COP/LOP 090**

**INOX XEN GƯƠNG TRẮNG**

**ĐỐI VỚI TỦ ĐIỀU KHIỂN NICE ĐÃ BAO GỒM:**

Board gọi tầng CCB-A.

Board hiển thị LCD 6.4inch đơn sắc.

**ĐỐI VỚI TỦ ĐIỀU KHIỂN STEP ĐÃ BAO GỒM:**

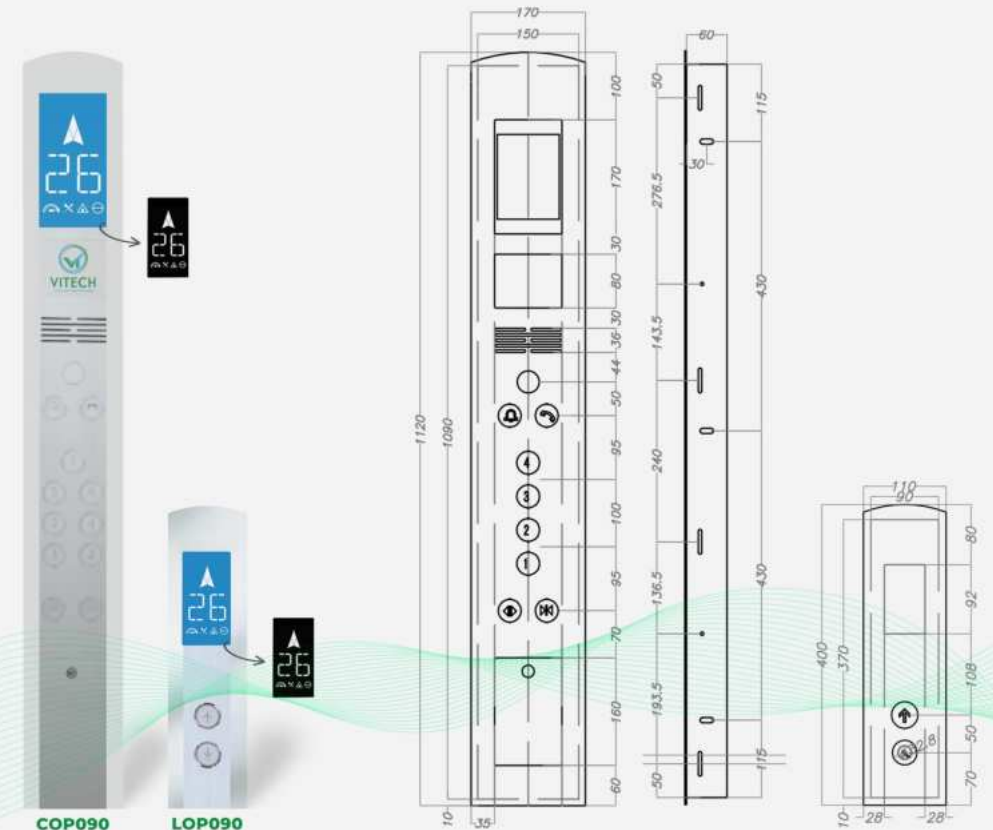
Board gọi tầng SM03D.

Board kết nối SM02G.

Board hiển thị LCD 6.4inch đơn sắc.

# **COP/LOP ELEVATOR**

Vision and Smart technology



## ▲ COP/LOP 090

INOX XEN GƯƠNG VÀNG

ĐỐI VỚI TỦ ĐIỀU KHIỂN NICE ĐÃ BAO GỒM:

Board gọi tầng CCB-A.

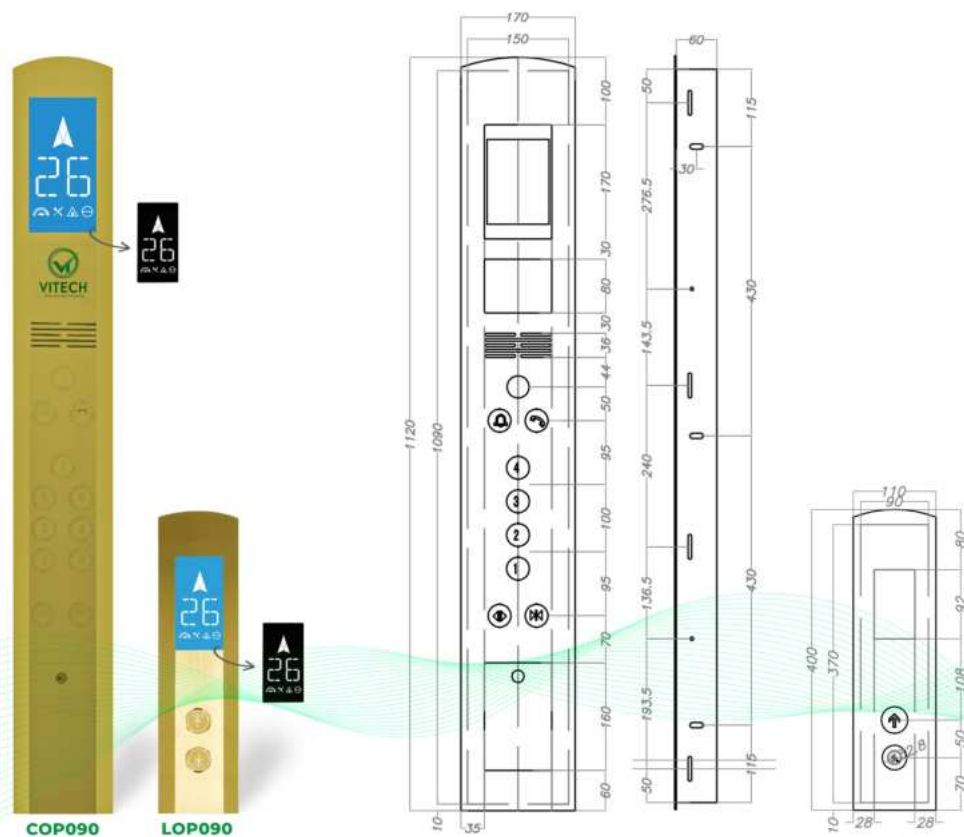
Board hiển thị LCD 6.4inch đơn sắc.

ĐỐI VỚI TỦ ĐIỀU KHIỂN STEP ĐÃ BAO GỒM:

Board gọi tầng SM03D.

Board kết nối SM02G.

Board hiển thị LCD 6.4inch đơn sắc.



## ▲ COP 281

VITECHLIFT.COM

ĐỐI VỚI TỦ ĐIỀU KHIỂN NICE ĐÃ BAO GỒM:

Board gọi tầng CCB-A.

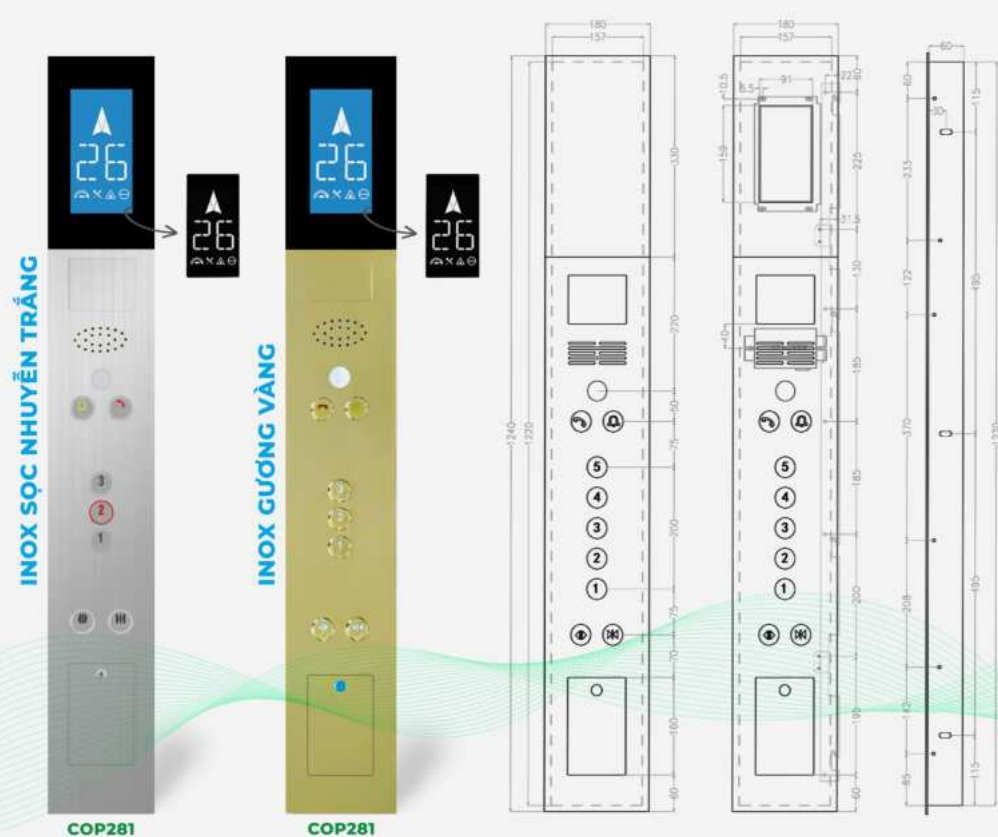
Board hiển thị LCD 6.4inch đơn sắc.

ĐỐI VỚI TỦ ĐIỀU KHIỂN STEP ĐÃ BAO GỒM:

Board gọi tầng SM03D.

Board kết nối SM02G.

Board hiển thị LCD 6.4inch đơn sắc.

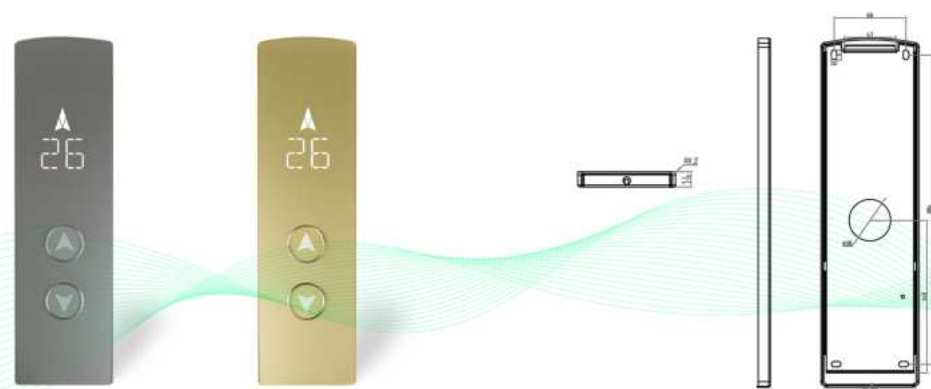


**LOP LGR**

**VITECHLIFT.COM**



## ▲ LOP XM - XBC

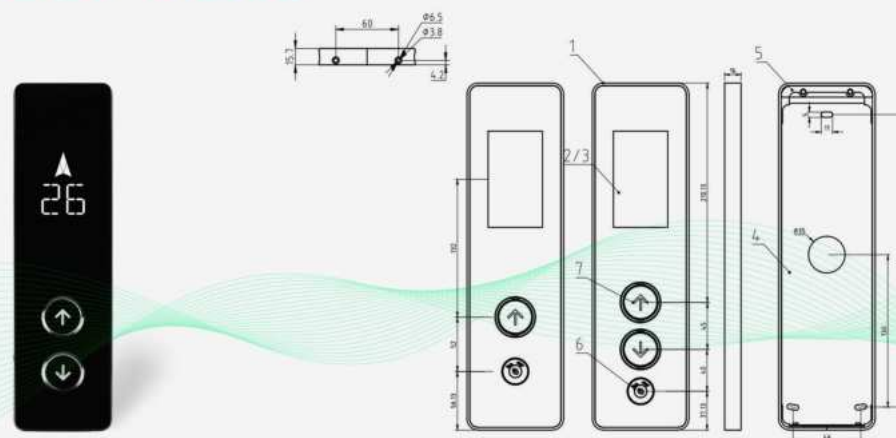


**▲ LOP 202**

**VITECHLIFT.COM**



**▲ LOP HB18**





## VILLA TOUCH COP

Smart design



LOP310  
R78



LOP311  
118X43



LOP312  
R78



LOP313  
76X76



LOP314  
145X70



LOP315  
190X60



BSGP  
250X83



BL3  
220X87



LOP317T  
210X70



LOP318  
45.5X39



LOP319  
200X66

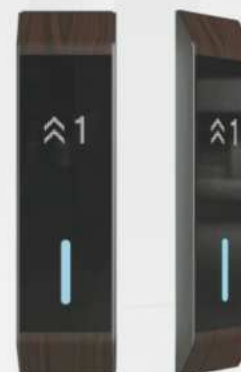


LOP320  
205X66



## VILLA TOUCH COP

Smart design



LOP321  
161X43



LOP322  
205X66



LOP323  
180X58



LOP324  
140X31

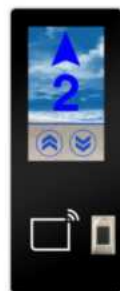


## VILLA TOUCH COP

◆ Touch screen series



SFTC-HCB-T4-86



GB4.3-T-F-IC



SFTC-CCB-T10.4-BT



SFTC-CCB-T10.1-CT-KA



SFTC-CCB-T10.1-BT-C-KA



## VILLA TOUCH COP

◆ Touch screen series



SFTC-CCB-T13.3-BT-KA



SFTC-CCB-T13.3-BT-QA



SFTC-CCB-T13.3-BT-KS



SFTC-CCB-T15.6-BT-BA



SFTC-CCB-T15.6-BT-KS

## ROTARY ENCODER



►SOURCE: 8 - 30V/ 1024JRE



C4A6 2.5LSB2/1024-JRE



C4A82.5LSB2/1024-JRE



EN-F3J6-2.5LSB2/1024-JRE



EN-F3J8-2.5LSB2/1024-JRE



HEIDENHAIN ERN1387/2048



EL-B1A30-7LNB1/1024-JRE



HEIDENHAIN ERN1313/2048



EN-B1A35-7NB1/1024-JRE



EN-A1A40-7NB1/1024-JRE

## SPARE PARTS



HS3-1370 switch (NC/NO)



JK2038 level switch



WECO K3 level switch



Sensor 61N KCB-R-59121



Sensor 77NS KCB-R-59122



Pitch Inspection Box



Cross flow fan 25W/35W



Arrival gong



Arrival gong



Oil can



Oil Collector



Intercom

# Thank you!

"Bạn cần sản phẩm tốt, chúng tôi cho bạn giá tốt  
Bạn cần giá tốt, chúng tôi cho bạn sản phẩm tốt nhất"



*We are Team*



*We are Team*



*We are Team*